

Tìm hiểu về V-BOX (Wecon Technology)

1

Các dòng V-BOX đang có trên thị trường

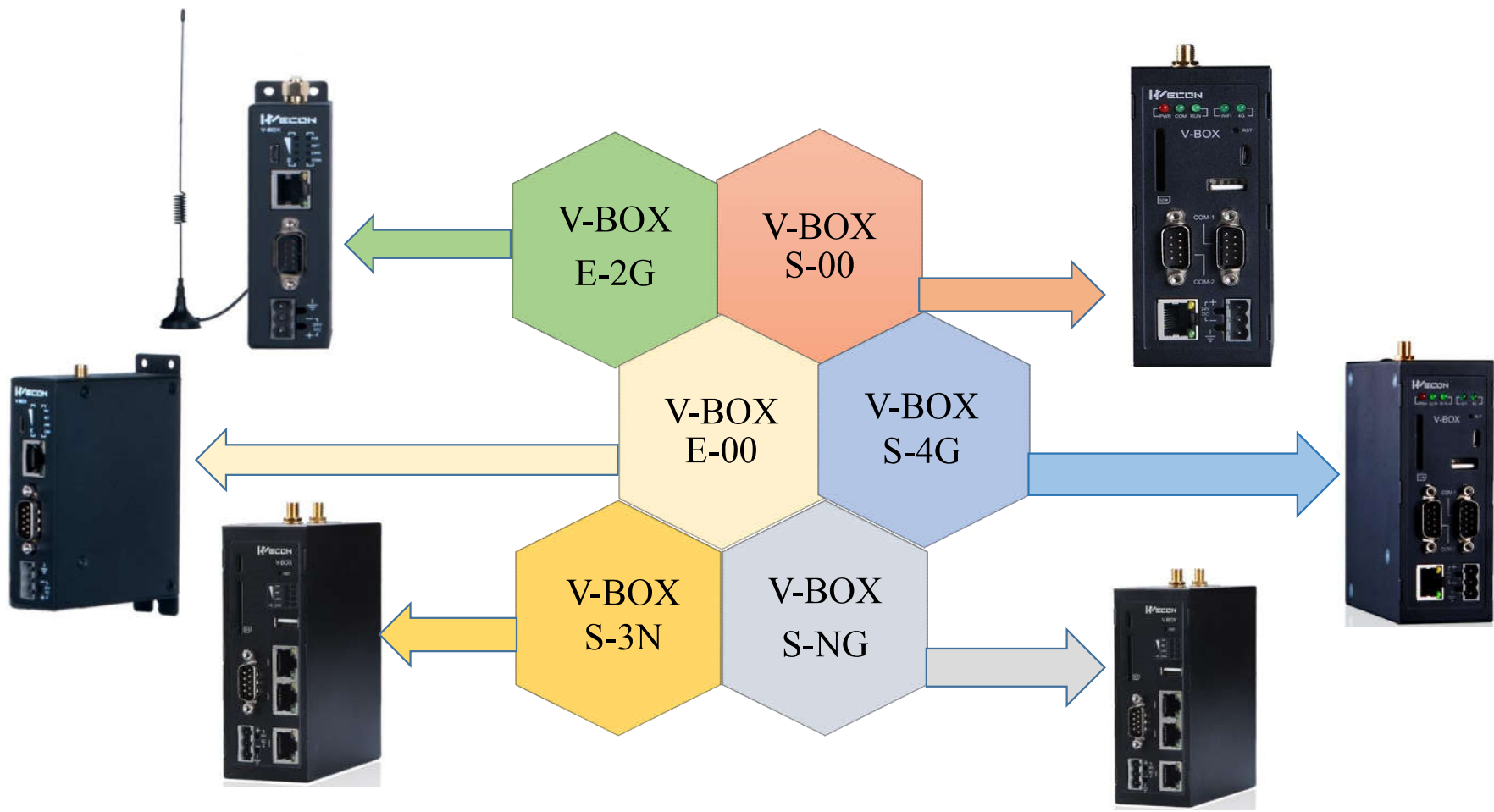
2

Đặc tính của từng dòng V-BOX

3

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

Các dòng V-BOX đang có trên thị trường



Đặc tính của từng dòng V-BOX

➔ V-BOX E-2G (1*USB-A, 1*Serial port, 1*Ethernet, 2G (Support))



- ❑ CPU: ARM9 300MHz
- ❑ Flash: 128MB
- ❑ Memory (RAM) : 128MB
- ❑ Serial port: 1 Ports
- ❑ Connect Ethernet, 2G

➤ Những đặc điểm chính

1. Dữ liệu được lấy thông qua giao tiếp truyền thông (2G / Ethernet) từ bộ điều khiển thiết bị.
2. Hỗ trợ các giao thức truyền thông của tất cả các PLC và bộ điều khiển của các thương hiệu lớn.
3. Kết nối với nền tảng đám mây thông qua Ethernet
4. Truy cập OPC, giao diện nhà phát triển HTTP.
5. Giám sát từ xa PLC và tải chương trình từ xa.
6. Hỗ trợ truy cập Android / iOS, trình duyệt máy tính bàn.

Đặc tính của từng dòng V-BOX

➔ V-BOX E-00 (1*USB-A, 1*Serial port, 1*Ethernet)



- CPU: ARM9 300MHz
- Flash: 128MB
- Memory (RAM) : 128MB
- Serial port: 1 Ports
- Connect Ethernet

➤ Những đặc điểm chính

1. Dữ liệu được lấy thông qua giao tiếp truyền thông Ethernet từ bộ điều khiển thiết bị.
2. Hỗ trợ các giao thức truyền thông của tất cả các PLC và bộ điều khiển của các thương hiệu lớn.
3. Kết nối với nền tảng đám mây thông qua Ethernet
4. Truy cập OPC, giao diện nhà phát triển HTTP.
5. Giám sát từ xa PLC và tải chương trình từ xa.
6. Hỗ trợ truy cập Android / iOS, trình duyệt máy tính bàn.

Đặc tính của từng dòng V-BOX

➔ V-BOX S-00 (1*USB-A, 2*Serial port, 1*Ethernet, WIFI (Supported))



- CPU: Cortex A8 600 MHz
- Flash: 128MB
- Memory (RAM) : 128MB
- Serial port: 1 Ports
- Connect Ethernet, WIFI Module.

➤ Những đặc điểm chính

1. Dữ liệu được lấy thông qua giao tiếp truyền thông (RS232 / RS485 / Ethernet) từ bộ điều khiển thiết bị.
2. Hỗ trợ các giao thức truyền thông của tất cả các PLC và bộ điều khiển của các thương hiệu lớn.
3. Kết nối với nền tảng đám mây thông qua Ethernet / WIFI.
4. Truy cập OPC, giao diện nhà phát triển HTTP.
5. Giám sát từ xa PLC và tải chương trình từ xa.
6. Hỗ trợ truy cập Android / iOS, trình duyệt máy tính bàn.

Đặc tính của từng dòng V-BOX

V-BOX S-3N (1*USB-A, 2*Serial port, 3*Ethernet)



- CPU: Cortex A8 600 MHz
- Flash: 128MB
- Memory (RAM) : 128MB
- Serial port: 2 Ports
- Connect Ethernet, WIFI Module

➤ Những đặc điểm chính

1. Dữ liệu được lấy thông qua giao tiếp truyền thông (RS232 / RS485 / Ethernet) từ bộ điều khiển thiết bị.
2. Hỗ trợ các giao thức truyền thông của tất cả các PLC và bộ điều khiển của các thương hiệu lớn.
3. Kết nối với nền tảng đám mây thông qua Ethernet / WIFI; 3 cổng Ethernet (1*WAN, 2*LAN).
4. Truy cập OPC, giao diện nhà phát triển HTTP.
5. Giám sát từ xa PLC và tải chương trình từ xa.
6. Hỗ trợ truy cập Android / iOS, trình duyệt máy tính bàn.

Đặc tính của từng dòng V-BOX

➔ V-BOX S-NG (1*USB-A, 2*Serial port, 3*Ethernet, 4G (Supported))



- CPU: Cortex A8 600 MHz
- Flash: 128MB
- Memory (RAM) : 128MB
- Serial port: 2 Ports
- Connect Ethernet, WIFI Module, 3G/4G.

➤ Những đặc điểm chính

1. Dữ liệu được lấy thông qua giao tiếp truyền thông (RS232 / RS485 / Ethernet) từ bộ điều khiển thiết bị.
2. Hỗ trợ các giao thức truyền thông của tất cả các PLC và bộ điều khiển của các thương hiệu lớn.
3. Kết nối với nền tảng đám mây thông qua Ethernet / WIFI; 3 cổng Ethernet (1*WAN, 2*LAN).
4. Truy cập OPC, giao diện nhà phát triển HTTP.
5. Giám sát từ xa PLC và tải chương trình từ xa.
6. Hỗ trợ truy cập Android / iOS, trình duyệt máy tính bàn.

Đặc tính của từng dòng V-BOX

V-BOX S-4G (1*USB-A, 2*Serial port, 1*Ethernet, 4G (Supported))

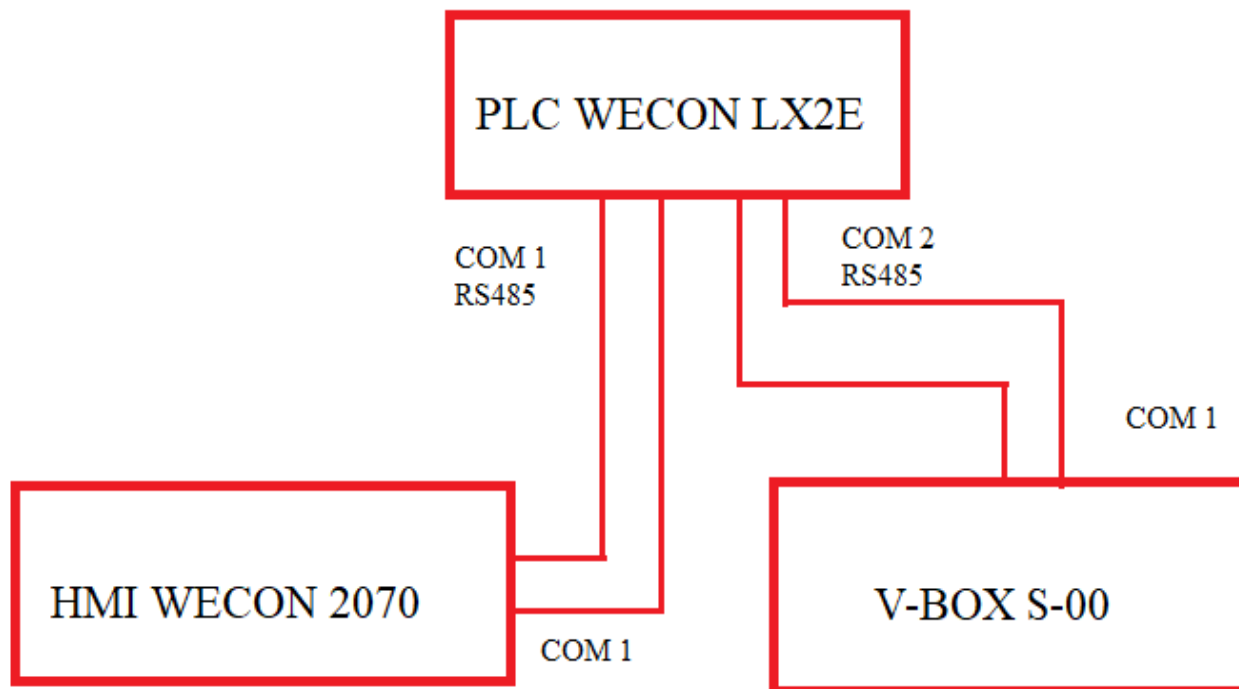


- CPU: Cortex A8 600 MHz
- Flash: 128MB
- Memory (RAM) : 128MB
- Serial port: 2 Ports
- Connect Ethernet, WIFI Module, 3G/4G

➤ Những đặc điểm chính

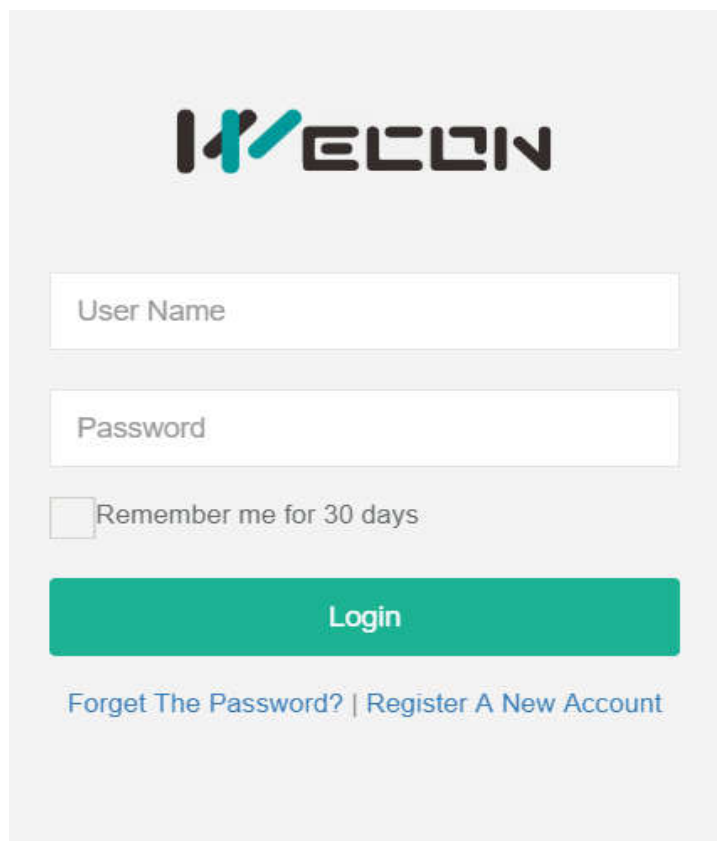
1. Dữ liệu được lấy thông qua giao tiếp truyền thông (RS232 / RS485 / Ethernet) từ bộ điều khiển thiết bị.
2. Hỗ trợ các giao thức truyền thông của tất cả các PLC và bộ điều khiển của các thương hiệu lớn.
3. Kết nối với nền tảng đám mây thông qua Ethernet / WIFI / 4G.
4. Truy cập OPC, giao diện nhà phát triển HTTP.
5. Giám sát từ xa PLC và tải chương trình từ xa.
6. Hỗ trợ truy cập Android / iOS, trình duyệt máy tính bàn.

Sơ đồ kết nối dây PLC với V-BOX và màn hình HMI



Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

1. Đăng nhập vào phần mềm V-BOX.



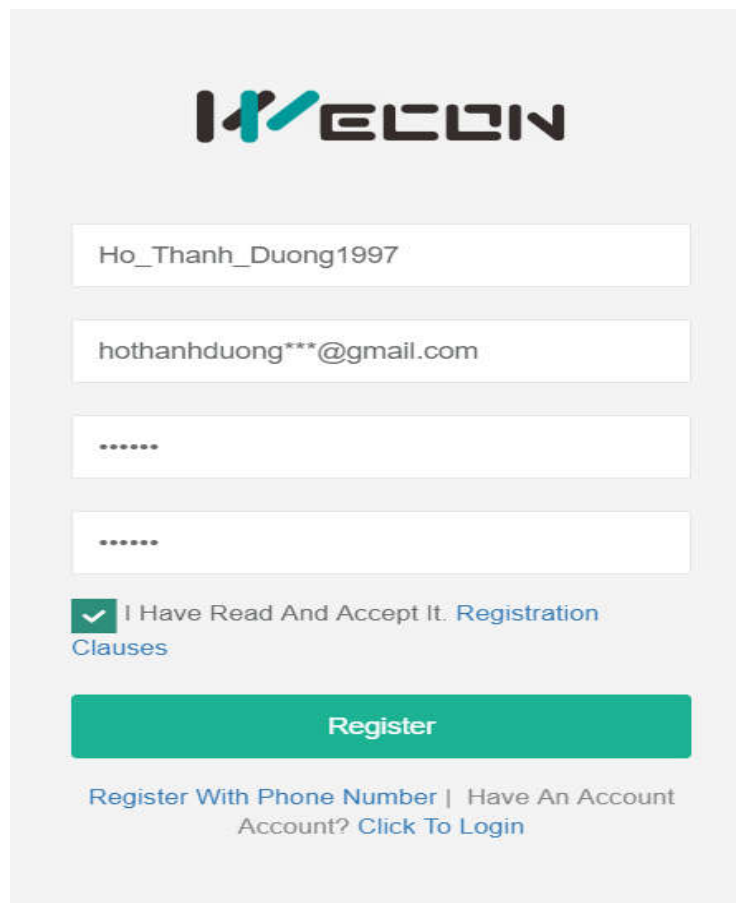
The screenshot shows the V-BOX login page. At the top is the V-BOX logo. Below it are two input fields: 'User Name' and 'Password'. Under the 'Password' field is a checkbox labeled 'Remember me for 30 days'. A large green button labeled 'Login' is positioned below the input fields. At the bottom of the form, there are two links: 'Forget The Password?' and 'Register A New Account'.

❖ Để đăng nhập vào V-BOX cần:

- Bước 1: Nhập tên tài khoản “User Name”.
- Bước 2: Nhập mật khẩu “Password”.
- Bước 3: Nhấn “Login”.
- Trường hợp chưa có tài khoản V-BOX, nhấn vào “Register A New Account” để đăng ký một tài khoản mới.
- Trường hợp quên mật khẩu, nhấn vào “Forget The Password?” để tạo lại mật khẩu.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

2. Đăng ký tài khoản V-BOX



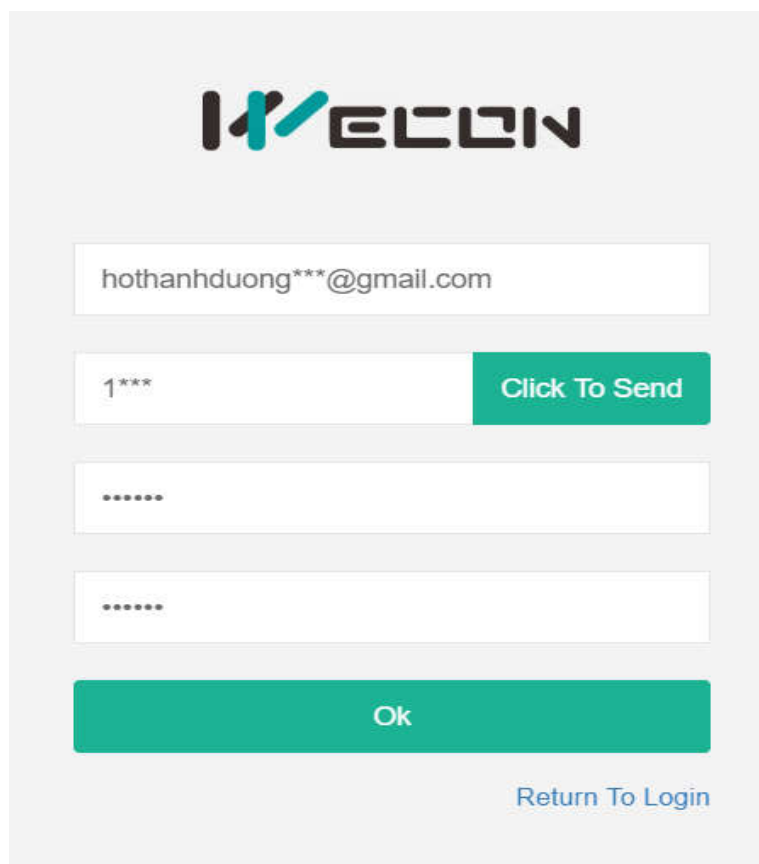
The screenshot shows the V-BOX registration interface. At the top is the V-BOX logo. Below it are four input fields: the first contains 'Ho_Thanh_Duong1997', the second contains 'hothanhduong***@gmail.com', and the next two are masked with dots. Below the fields is a checked checkbox with the text 'I Have Read And Accept It. [Registration Clauses](#)'. A large green 'Register' button is positioned below the checkbox. At the bottom, there is a link: 'Register With Phone Number | Have An Account Account? [Click To Login](#)'.

❖ Để tạo một tài khoản mới cần:

- Bước 1: Nhập tên đăng nhập (Tên đăng nhập phải dài hơn 9 ký tự, có ít nhất một số và một ký tự).
- Bước 2: Nhập địa chỉ Email.
- Bước 3: Nhập mật khẩu.
- Bước 4: Xác nhận lại mật khẩu.
- Bước 5: Nhấn chọn vào ô “I Have Read And Accept It. [Registration Clauses](#)”.
- Bước 6: Nhấn “Register” để hoàn tất quá trình tạo tài khoản V-BOX.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

3. Quên mật khẩu đăng nhập V-BOX

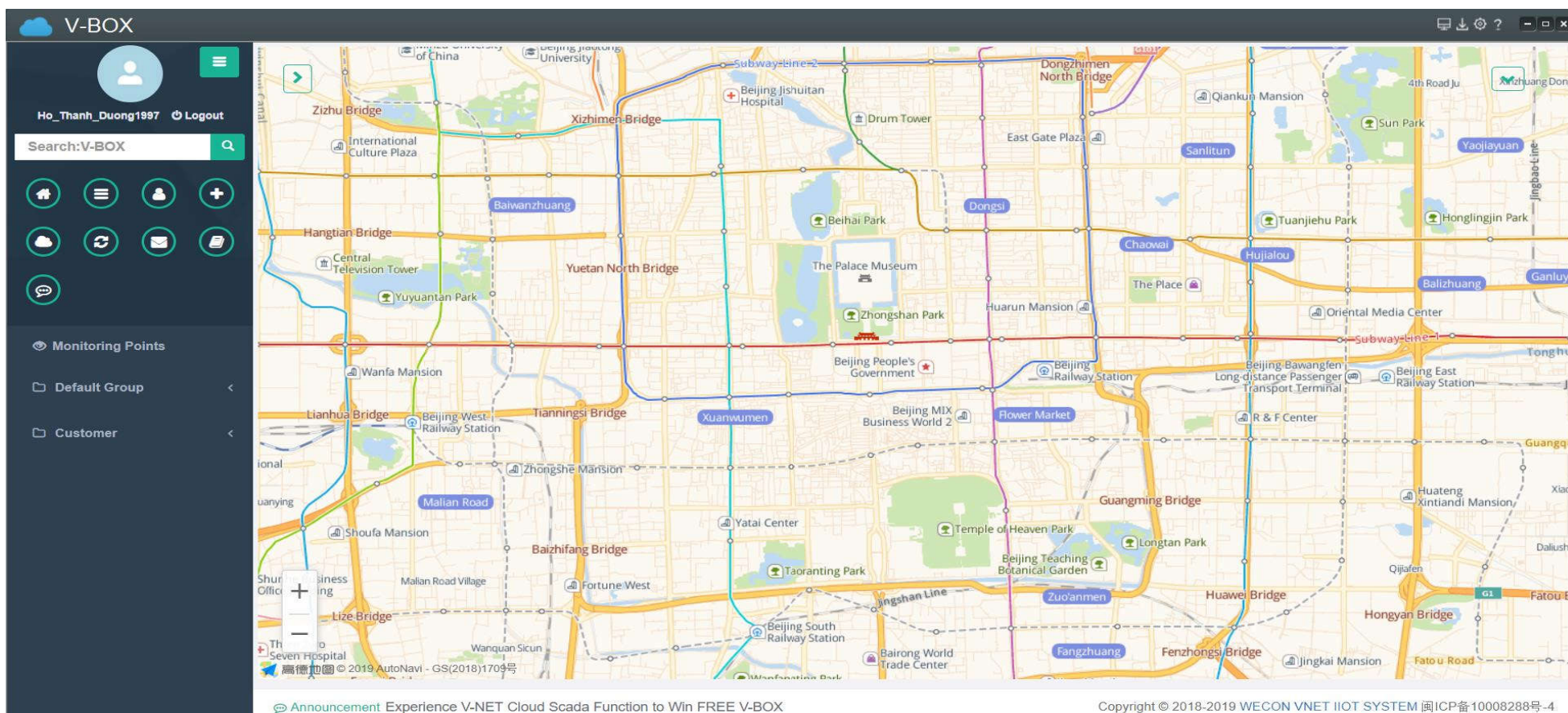


The screenshot shows the V-BOX password recovery interface. At the top is the V-BOX logo. Below it is a text input field containing the email address "hothanhduong***@gmail.com". Underneath is a smaller input field with "1***" and a green "Click To Send" button. Below that are two more input fields, both containing "*****". At the bottom is a large green "Ok" button and a blue "Return To Login" link.

- ❖ Để lấy lại mật khẩu đăng nhập vào V-BOX cần:
 - Bước 1: Nhập Email đã đăng ký V-BOX.
 - Bước 2: Nhấn “Click To Send”.
 - Bước 3: Nhập mã xác nhận được gửi về Email đăng ký.
 - Bước 4: Nhập mật khẩu mới.
 - Bước 5: Xác nhận lại mật khẩu mới.
 - Bước 6: Nhấn “Ok”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

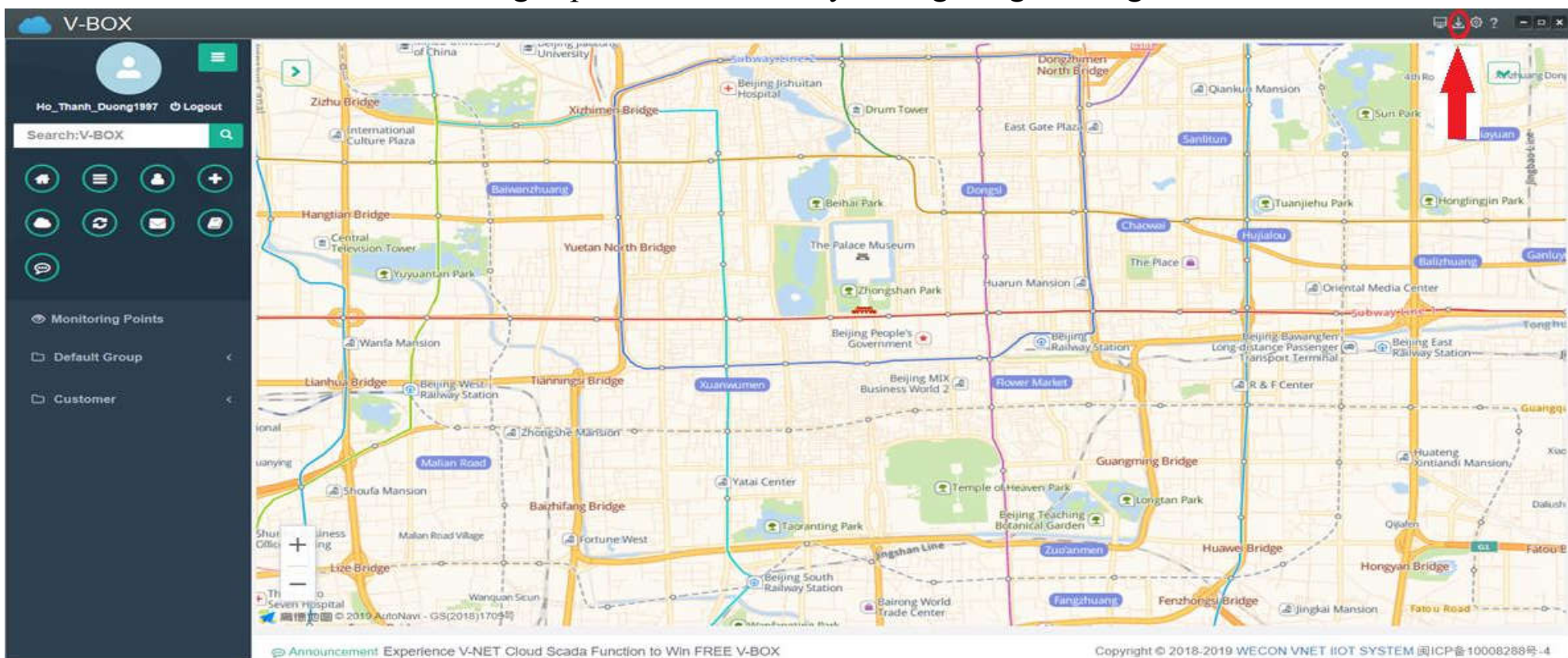
4. Giao diện chính V-BOX



Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

5. Thiết lập mạng cho V-BOX

- Đầu tiên nhấn vào dấu mũi tên ở góc phải màn hình, chuyển sang trang “Configure V-BOX”.



Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

5. Thiết lập mạng cho V-BOX

Configure V-BOX

The screenshot displays the 'Configure V-BOX' interface. On the left, there are two main sections: 'Enable Ethernet' and 'Enable WIFI'. Under 'Enable Ethernet', there are radio buttons for 'Use a dynamic IP address' (selected) and 'Use a static IP address'. Below these are input fields for IP address (192.168.1.2), Subnet mask (255.255.255.0), Default gateway (192.168.1.1), Preferred DNS server, and Alternate DNS server. Under 'Enable WIFI', there is a radio button for 'Use a dynamic IP address' (selected) and 'Use a static IP address'. Below these are input fields for 'WIFI name' (Please enter WIFI name), 'WIFI password' (Please enter your password), and 'Device access password' (masked with dots). At the bottom, there are radio buttons for 'Server connection' (Ethernet selected, WIFI unselected). On the right side, there is a 'Clear' button, a message box that says 'Please connect V-BOX to pc with USB cable S-00 series V-BOX detected', and a 'Download configuration' button. Below this are four buttons: 'Update time', 'Get machine code', 'Detection network', and 'Upload configuration'.

❖ Để thiết lập mạng cho V-BOX cần:

- Bước 1: Kết nối V-BOX và máy tính thông qua cáp Micro USB.

- Bước 2: Bỏ dấu tích ở ô “Enable Ethernet”.
Nhấn chọn vào ô “Enable WIFI”.

- Bước 3: Nhập tên WIFI vào ô “WIFI name”.

- Bước 4: Nhập mật khẩu WIFI vào ô “WIFI password”.

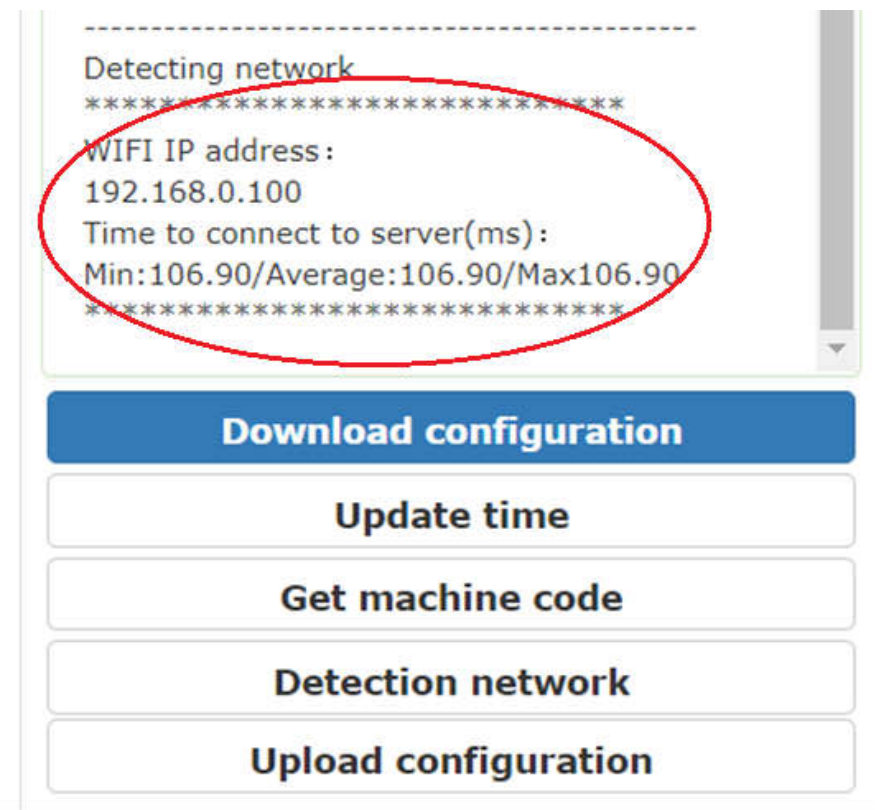
- Bước 5: Nhấn chọn vào ô “WIFI” ở mục “Server connection”.

- Bước 6: Nhấn “Download configuration”.
(Để xem mật khẩu V-BOX nhấn vào biểu tượng con mắt ở dòng “Device access password”).

Thông thường mật khẩu là: 888888. Bước này cần thực hiện để chuẩn bị cho công đoạn liên kết thiết bị V-BOX với phần mềm V-BOX).

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

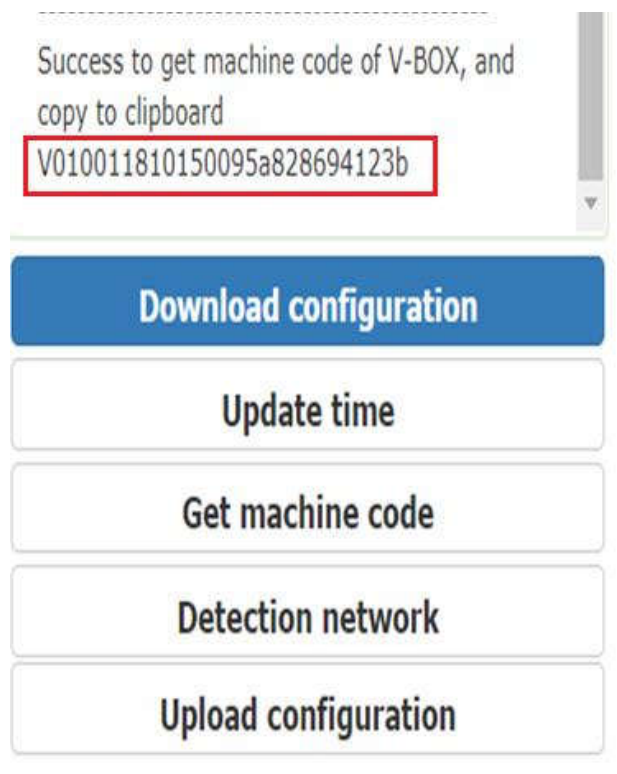
5. Thiết lập mạng cho V-BOX



- ❖ Để kiểm tra V-BOX có kết nối mạng cần:
 - Nhấn vào “Detection network”.
- (Nếu V-BOX hiển thị như hình là V-BOX đã kết nối mạng thành công)

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

6. Xuất “Machine code” của V-BOX



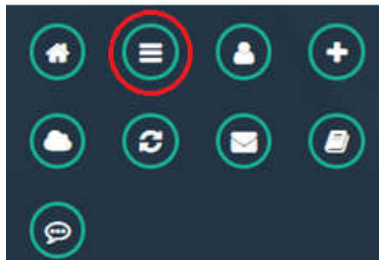
❖ Để lấy “Machine code” cần:

- Nhấn vào “Get machine code”. Sẽ xuất hiện dòng “Machine code” của thiết bị V-BOX đang sử dụng.

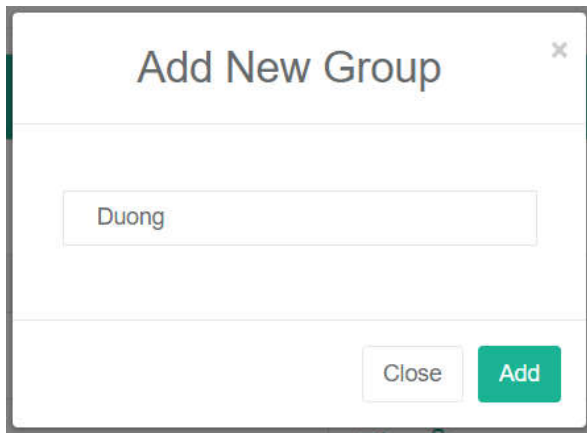
(Cần copy “Machine code” này để chuẩn bị cho công đoạn liên kết thiết bị V-BOX) .

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

7. Liên kết thiết bị V-BOX



☐ Để tạo thêm một nhóm ta chọn biểu tượng ba gạch.



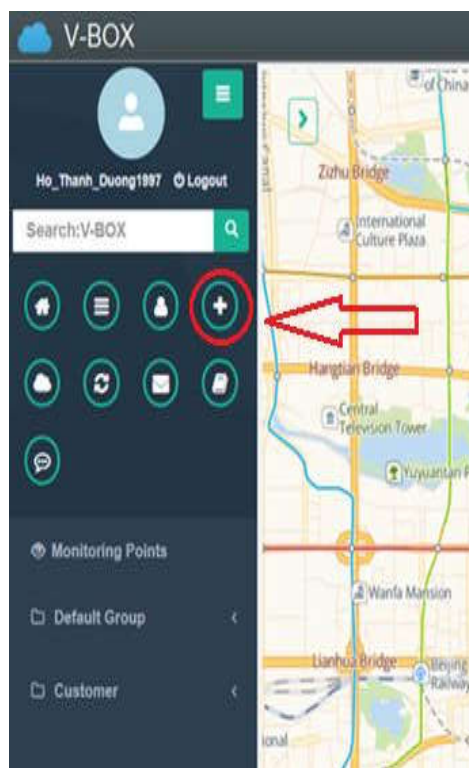
❖ Sau khi chọn biểu tượng hiện ra hộp thoại như sau. Để thiết lập cần:

- Bước 1: Đặt tên cho nhóm.
- Bước 2: Nhấn “Add”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

7. Liên kết thiết bị V-BOX

- Nhấn vào dấu cộng để liên kết thiết bị V-BOX



Add V-BOX

</> V010011810150095a8286!

.....

DUONG

Customer

Smart Home

Close

Save

❖ Sau đó tiến hành thiết đặt các thông tin như sau:

Bước 1: Nhập “Machine code”.

Bước 2: Nhập mật khẩu của thiết bị V-BOX (Với ví dụ này là: **888888**).

Bước 3: Đặt tên cho V-BOX.

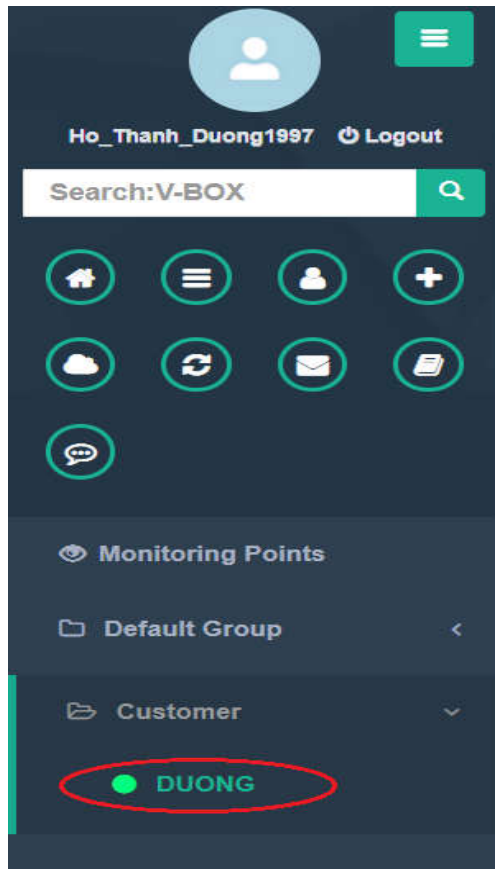
Bước 4: Chọn nhóm cho V-BOX (Ở đây chọn “Customer” hoặc chọn bất kỳ nhóm nào đã được thêm vào).

Bước 5: Chọn dự án phù hợp cho V-BOX (Phần này chọn “Smart Home” hoặc lựa chọn dự án thích hợp theo nhu cầu).

Bước 6: Nhấn “Save”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

7. Liên kết thiết bị V-BOX



- Sau khi thiết đặt “Add V-BOX” xong, kế tiếp quay về Menu chính ta chọn vào nhóm đã chọn ở trên (Ở đây chọn “Customer”). Sau đó nhấn chọn thiết bị V-BOX đã được liên kết (Ở đây nhấn chọn “DUONG”) để tiến hành *liên kết truyền thông V-BOX với PLC*.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

8. Liên kết truyền thông V-BOX với PLC

❖ Để liên kết truyền thông V-BOX với PLC cần:

- Bước 1: Chọn thẻ “Configuration”.
- Bước 2: Chọn thẻ “Communication”.
- Bước 3: Nhấn “Add” để liên kết với PLC.



Data Monitor



Alarm Record



Historical Data



Remote Download



Configuration

Basic Information

Communication

register information

Version

Communication profile(For example the plc model, Data acquisition module or modbus standard protocol)

Add

ID	Serial Port	Connection Way	Driver Name	Operating
----	-------------	----------------	-------------	-----------

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

8. Liên kết truyền thông V-BOX với PLC

Add New Port

Serial Port	COM1	Device Type	WECON
Driver Name	WECON LX2E	Station NO.	0
PLC Station NO.	0	Retry Times	2
		Wait Timeout	300 ms
Receive Timeout	50 ms	Continuous Length	0
Delay time	0 ms	Retry Timeout	0 ms
Baudrate	9600	Connection Way	RS485
Stop Bit	1	Data Bit	8
Check Bit	NONE		

Close

Save

❖ Để liên kết với PLC cần:

× -Bước 1: Chọn “Serial Port”

- Bước 2: Chọn “Device Type” (Chọn nhà sản xuất của thiết bị ở đây là **WECON**).

- Bước 3: Chọn “Driver Name” (Lựa chọn dòng thiết bị đang sử dụng).

- Bước 4: Chọn “Baudrate” (Tốc độ truyền là **9600**)

- Bước 5: Chọn “Stop Bit” (Ở đây chọn là **1**)

- Bước 6: Chọn “Check Bit” (Ở đây chọn **NONE**).

- Bước 7: Chọn “Connection Way” (Lựa chọn phương thức kết nối với PLC).

Bước 7: Chọn “Data Bit” (Ở đây chọn là **8**).


Bước 9: Nhấn chọn “Save” .



Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

8. Liên kết truyền thông V-BOX với PLC

Basic Information **Communication** register information Version

Communication profile(For example the plc model, Data acquisition module or modbus standard protocol)

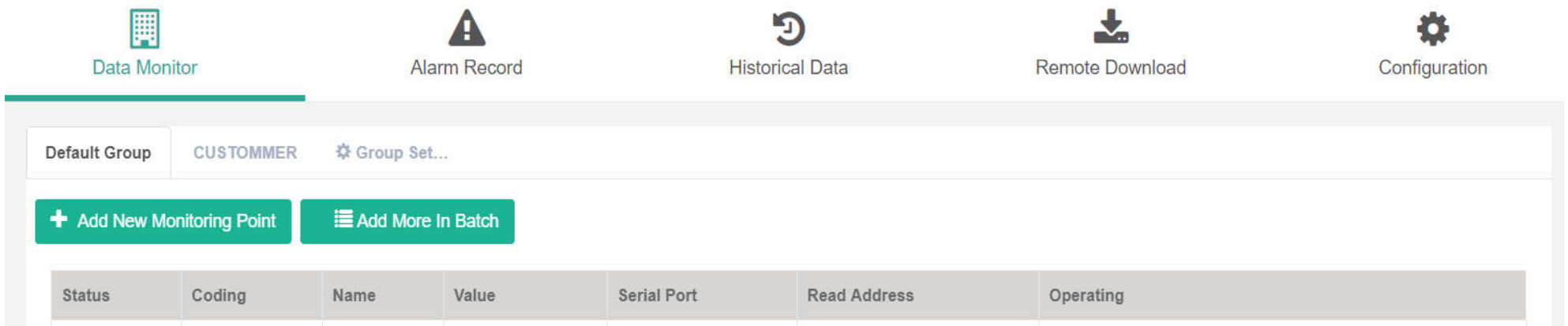
 Add

ID	Serial Port	Connection Way	Driver Name	Operating
1	COM1	RS485	WECON LX2E	 

- Sau khi cài đặt xong thì V-BOX đã liên kết truyền thông với PLC.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

9. Thiết lập các dữ liệu trên màn hình “Data Monitor”



The screenshot displays the V-BOX software interface. At the top, there are five navigation icons: Data Monitor (selected), Alarm Record, Historical Data, Remote Download, and Configuration. Below the navigation bar, the 'Data Monitor' section is active, showing a 'Default Group' dropdown menu set to 'CUSTOMMER' and a 'Group Set...' button. Two green buttons are visible: '+ Add New Monitoring Point' and 'Add More In Batch'. Below these buttons is a table with the following columns: Status, Coding, Name, Value, Serial Port, Read Address, and Operating.

Status	Coding	Name	Value	Serial Port	Read Address	Operating
--------	--------	------	-------	-------------	--------------	-----------

❖ Để Thiết lập các dữ liệu cần:

- Bước 1: Chọn thẻ “Data Monitor”.
- Bước 2: Chọn “Add New Monitoring Point”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

9. Thiết lập các dữ liệu trên màn hình “Data Monitor”

a. Dữ liệu dạng số.

Add Monitoring Data

Name: D0

Connect Device: 1-COM1

Address Type: Word Ad Register Type: D

Register Address (Main Number): 0 Main Number: 0 7999 (Decimals)

Permissions: Read&Write Readonly

Unit: Please input less than 20 characters

Data Format: 16-Bit Unsigned Decimal Number

Allowable Largest Total: 5

Ok Cancel

❖ Để thiết lập dữ liệu cần:

- Bước 1: Đặt tên dữ liệu “Name”
- Bước 2: Chọn loại dữ liệu “Address Type”.
- Bước 3: Chọn kiểu dữ liệu trong code PLC ở mục “Register Type”.
- Bước 4: Chọn địa chỉ của dữ liệu trong code PLC ở mục “Register Address”.
- Bước 5: Nhấn chọn ô “Read&Write” đối với những dữ liệu vừa quan sát vừa có thể nhập từ V-BOX. Chọn ô “Readonly” với dữ liệu chỉ có thể quan sát.
- Bước 6: Kéo xuống cuối cùng và nhấn “Ok”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

9. Thiết lập các dữ liệu trên màn hình “Data Monitor”

b. Dữ liệu dạng nút nhấn.

❖ Để thiết lập dữ liệu cần:

- Bước 1: Chọn tên dữ liệu “Name”.
- Bước 2: Chọn loại dữ liệu “Address Type”.
- Bước 3: Chọn kiểu dữ liệu trong code PLC ở mục “Register Type”.
- Bước 4: Chọn địa chỉ của dữ liệu trong code PLC ở mục “Register Address”.
- Bước 5: Nhấn chọn ô “**Read&Write**” với dữ liệu vừa quan sát vừa có thể nhập từ V-BOX. Chọn ô “**Readonly**” với dữ liệu chỉ có thể quan sát.
- Bước 6: Chọn ô “**OFF**” trạng thái ban đầu nút nhấn là tắt. Chọn ô “**ON**” trạng thái ban đầu nút nhấn là bật.
- Bước 7: Nhấn “Ok”.

Add Monitoring Data

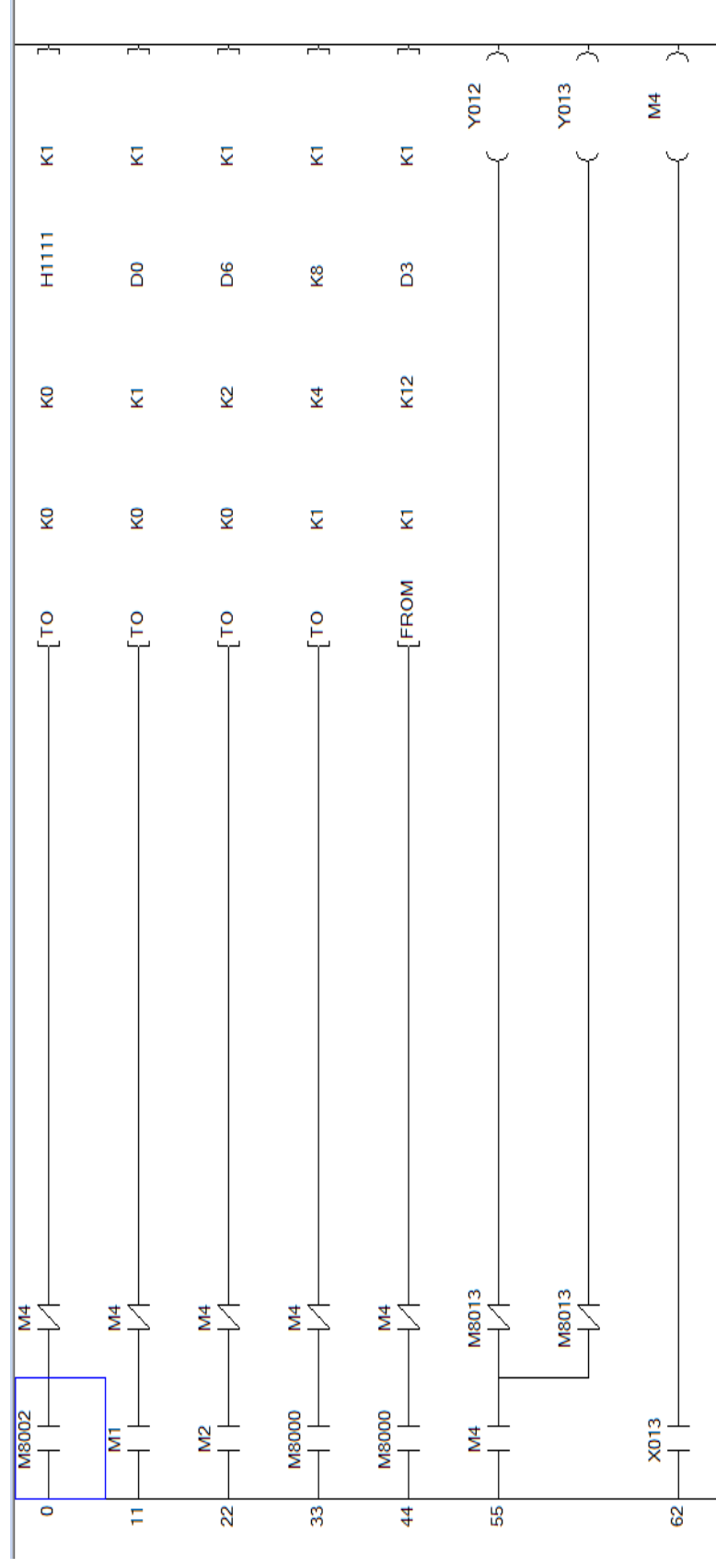
Name	M1
Connect Device	1-COM1
Address Type	Bit Addr
Register Type	M
Register Address (Main Number)	0
Permissions	<input checked="" type="radio"/> Read&Write <input type="radio"/> Readonly
Station Number	Range: 0~255
Map Display	<input type="radio"/> ON <input checked="" type="radio"/> OFF
Description	Please input less than 50 characters

Ok Cancel

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

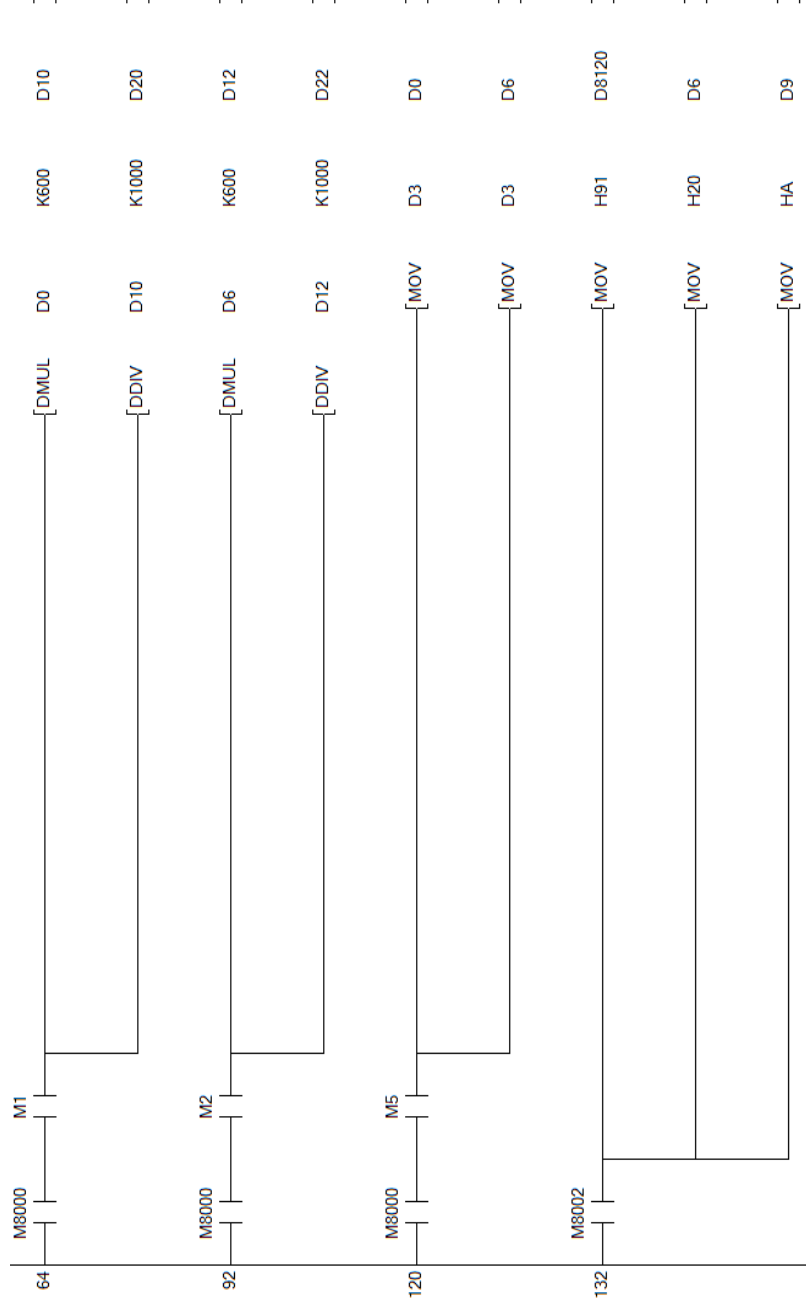
9. Thiết lập các dữ liệu trên màn hình “Data Monitor”

➤ Code PLC



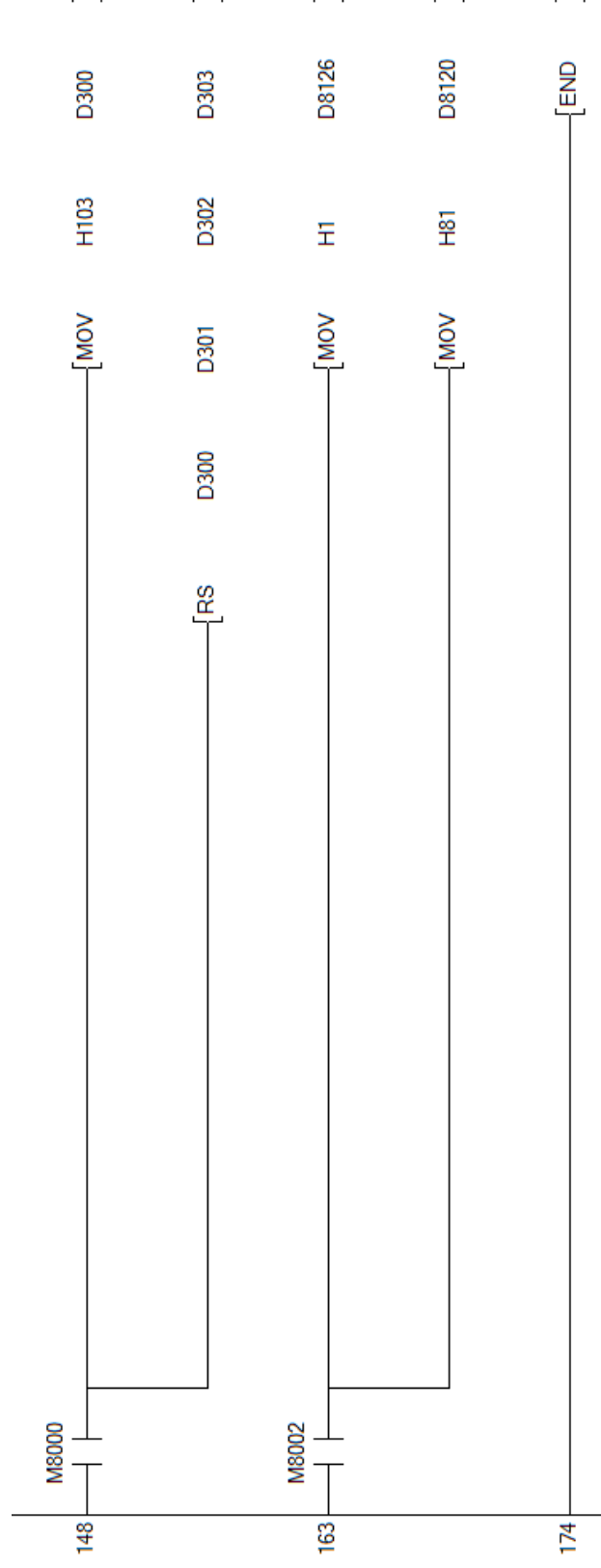
Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

➤ Code PLC



Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

➤ Code PLC



Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

9. Thiết lập các dữ liệu trên màn hình “Data Monitor”

➤ Các dữ liệu sau khi thiết đặt xuất hiện trên giao diện V-BOX.

Default Group CUSTOMMER  Group Set...

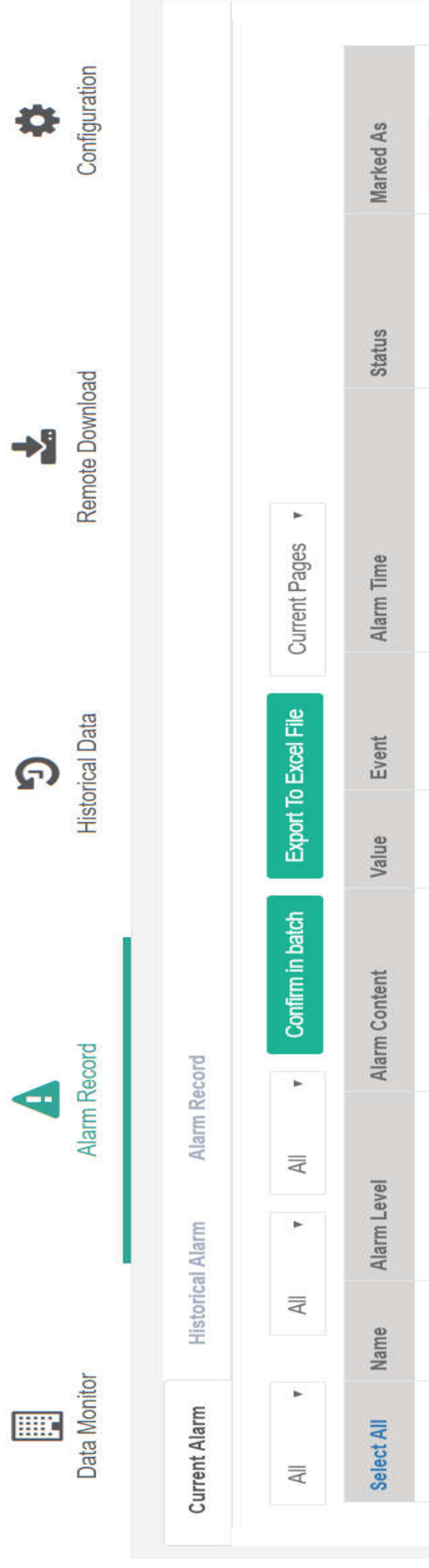
[+ Add New Monitoring Point](#) [Add More In Batch](#)

Status	Coding	Name	Value	Serial Port	Read Address	Operating
	139915	D0	745	COM1	D0	 Edit  Move  Delete
	139914	M1	OFF	COM1	M1	 Edit  Move  Delete
	139296	D3	341	COM1	D3	 Edit  Move  Delete
	139295	D22	0	COM1	D22	 Edit  Move  Delete
	139294	D20	447	COM1	D20	 Edit  Move  Delete
	139293	M2	OFF	COM1	M2	 Edit  Move  Delete
	139189	D6	226	COM1	D6	 Edit  Move  Delete
	139185	M5	OFF	COM1	M5	 Edit  Move  Delete

« 1 » Page Per Page 10 /Total 8 Item

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

10. Thiết lập cảnh báo “Alarm Record”

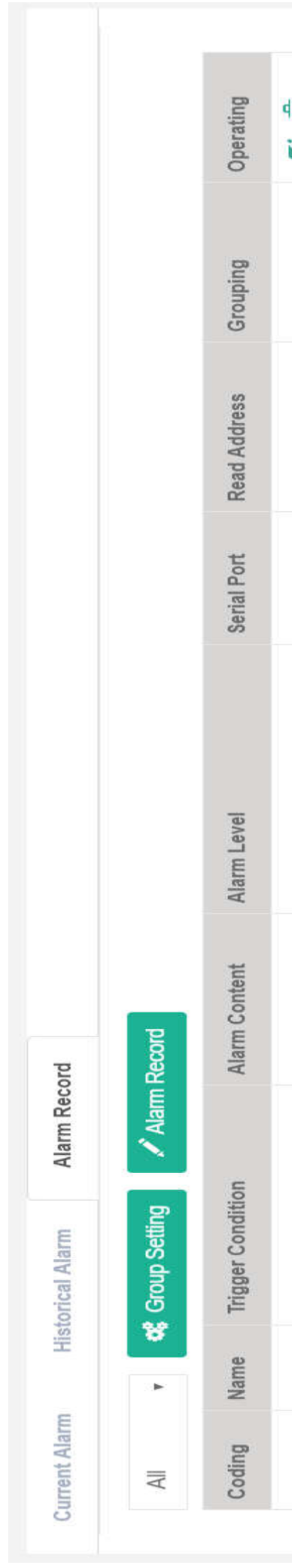


The screenshot displays the V-BOX software interface. At the top, there is a navigation bar with icons and labels for 'Data Monitor', 'Alarm Record', 'Historical Data', 'Remote Download', and 'Configuration'. The 'Alarm Record' section is active, showing a 'Current Alarm' tab. Below the tabs, there are three dropdown menus, each set to 'All'. To the right of these menus are two green buttons: 'Confirm in batch' and 'Export To Excel File'. Below these buttons is a table with the following columns: 'Name', 'Alarm Level', 'Alarm Content', 'Value', 'Event', 'Alarm Time', 'Status', and 'Marked As'. The 'Name' column is currently selected.

□ Để tạo một cảnh báo ta chọn thẻ “Alarm Record”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

10. Thiết lập cảnh báo “Alarm Record”



□ Tiếp theo ta chọn mục “Alarm Record” .

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

10. Thiết lập cảnh báo “Alarm Record”

- ❖ Để tạo một cảnh báo cần:
 - Bước 1: Nhập tên “Name”.
 - Bước 2: Chọn nhóm “Grouping”.
 - Bước 3: Chọn mức cảnh báo “Alarm Level”.
 - Bước 4: Chọn loại dữ liệu “Address Type”.
 - Bước 5: Chọn kiểu dữ liệu “Register Type”.

Add Alarm Record

Name	D0
Grouping	Default Group
Connect Device	1-COM1
Alarm Level	General Alarm
Address Type	Word Address
Register Type	D
Register Address (Main Number)	0 Main Number: 0 7999 (Decimals)
Data Format	16-Bit Unsigned Decimal Number

Ok Cancel

Alarm Level

Address Type

Register Address (Main Number)

- General Alarm
- General Alarm
- Serious Alarm
- Particularly Serious Alarm

- Có 3 mức cảnh báo:
 - Mức 1: Cảnh báo bình thường.
 - Mức 2: Cảnh báo nghiêm trọng.
 - Mức 3: Cảnh báo đặc biệt nghiêm trọng.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

10. Thiết lập cảnh báo “Alarm Record”

Add Alarm Record

Address (Main Number) _____

Data Format: 16-Bit Unsigned Decimal Number

Integer Digits: 5 Decimal Digits: 0

Allowable Valid Data Range: 0~65535

Condition: Not Equ (Selected) No

Station Number: 1023 Range: 0~255

Map Display: _____

Alarm Content: Characters

Ok Cancel

- Bước 6: Chọn điều kiện để cảnh báo ở ô “Condition”. Nếu là cảnh báo cho nút nhấn thì chọn điều kiện cảnh báo ở ô “Bit Setting” và bỏ qua hai mục ở dưới.

- Chọn giá trị để so sánh (ở đây chọn tùy vào yêu cầu của khách hàng).

- Chọn thêm các điều kiện khác nếu có (Ở đây chọn “No”. Có thể chọn “No”, “And” và “Or”.





- Bước 7: Chọn “Ok”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

10. Thiết lập cảnh báo “Alarm Record”

Current Alarm Historical Alarm Alarm Record

All Group Setting Alarm Record

Coding	Name	Trigger Condition	Alarm Content	Alarm Level	Serial Port	Read Address	Grouping	Operating
7857	D0	Value More Than 1023		General Alarm	COM1	D0	Default Group	 
7856	D6	Value More Than 1023		Particularly Serious Alarm	COM1	D6	Default Group	 

« 1 » No. 1 Page Per Page 10 /Total 2 Item

☐ Các cảnh báo đã được cài đặt.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

10. Thiết lập cảnh báo “Alarm Record”

Current Alarm		Historical Alarm		Alarm Record			
Name	Alarm Level	Alarm Content	Value	Event	Alarm Time	Status	Marked As
<input type="checkbox"/>	D6	Particularly Serious Alarm	152	Released	2019-07-12 11:18:10	Unconfirmed	<input type="button" value="Confirm"/>
<input type="checkbox"/>	D6	Particularly Serious Alarm	5563	Trigger	2019-07-12 11:18:08	Unconfirmed	<input type="button" value="Confirm"/>
<input type="checkbox"/>	D0	General Alarm	25	Released	2019-07-12 10:38:23	Unconfirmed	<input type="button" value="Confirm"/>
<input type="checkbox"/>	D0	General Alarm	1024	Trigger	2019-07-12 10:37:11	Unconfirmed	<input type="button" value="Confirm"/>
<input type="checkbox"/>	D6	Particularly Serious Alarm	2	Released	2019-07-12 09:55:50	Unconfirmed	<input type="button" value="Confirm"/>
<input type="checkbox"/>	D6	Particularly Serious Alarm	2000	Trigger	2019-07-12 09:53:50	Unconfirmed	<input type="button" value="Confirm"/>
<input type="checkbox"/>	D6	Particularly Serious Alarm	1020	Released	2019-07-12 09:41:29	Unconfirmed	<input type="button" value="Confirm"/>
<input type="checkbox"/>	D6	Particularly Serious Alarm	1200	Trigger	2019-07-12 09:39:31	Unconfirmed	<input type="button" value="Confirm"/>
<input type="checkbox"/>	D0	General Alarm	12	Released	2019-07-12 08:45:15	Unconfirmed	<input type="button" value="Confirm"/>
<input type="checkbox"/>	D0	General Alarm	10000	Trigger	2019-07-12 08:42:43	Unconfirmed	<input type="button" value="Confirm"/>

- Khi có sự thay đổi về các dữ liệu thì cảnh báo sẽ được hiện lên trong thẻ “Current Alarm”.
- Với “Released” là thoả mãn với dữ liệu cài đặt. “Trigger” là không thoả mãn dữ liệu cài đặt.
- Để xuất ra File Excel ta chọn “Export To Excel File”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

10. Thiết lập cảnh báo “Alarm Record”

Current Alarm Historical Alarm Alarm Record

Coding Name

Start Time End Date

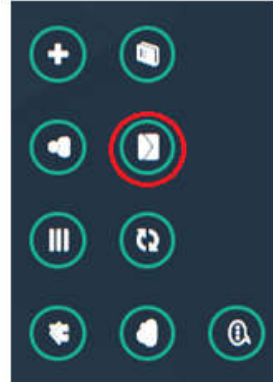
[Export To Excel File](#) [Current Pages](#)

Coding	Name	Alarm Level	Alarm Content	Value	Event	Status	Time
7856	D6	Particularly Serious Alarm		37	Released	Confirm	2019-07-11 16:57:04
7856	D6	Particularly Serious Alarm		3780	Trigger	Confirm	2019-07-11 16:56:51
7857	D0	General Alarm		3000	Trigger	Confirm	2019-07-11 16:55:58
7857	D0	General Alarm		3000	Trigger	Confirm	2019-07-11 16:44:32
7857	D0	General Alarm		1000	Released	Confirm	2019-07-11 15:56:56
7857	D0	General Alarm		2000	Trigger	Confirm	2019-07-11 15:52:03

- Khi ta nhấn “Confirm” thì cảnh báo sẽ ghi lại ở thẻ “Historical Alarm”. Để xuất ra File Excel ta chọn “Export To Excel File”

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

11. Thiết lập cảnh báo qua Email

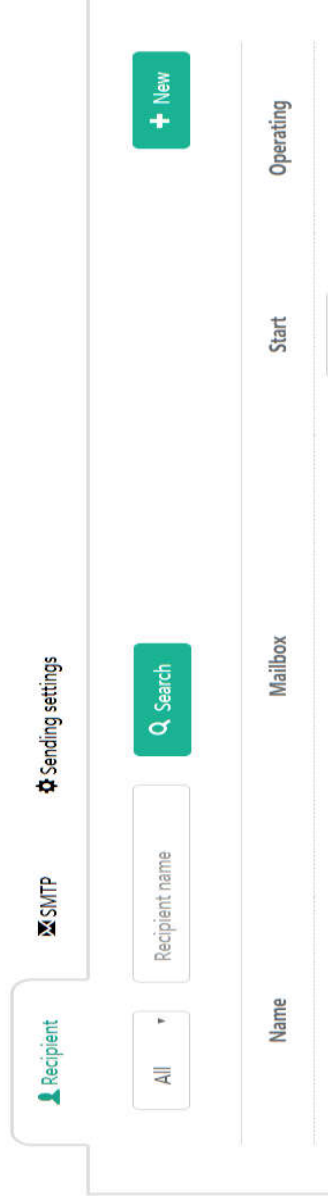


- Chọn vào ô có biểu tượng lá thư để vào mục thiết lập Email

Homepage > Email manager

❖ Để cài đặt các Email người nhận cần:

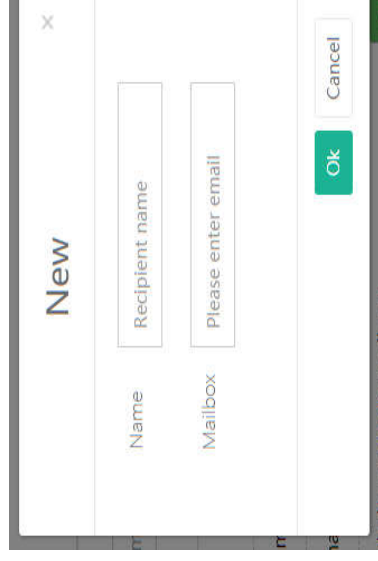
- Bước 1: Chọn thẻ “Recipient”.
- Bước 2: Chọn “New”.



Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

11. Thiết lập cảnh báo qua Email

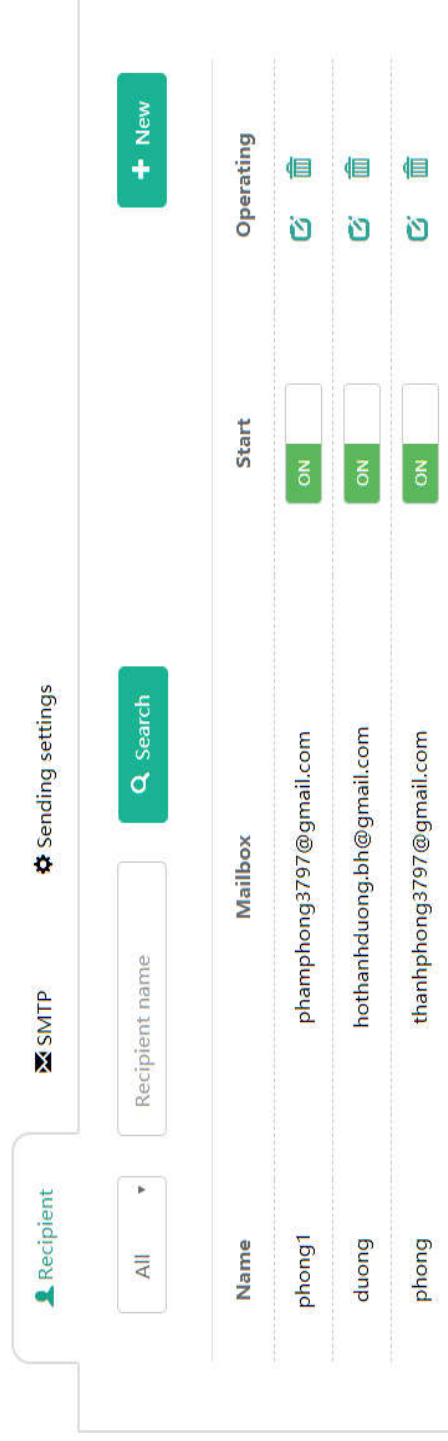
- ❖ Để tạo một Email người nhận mới cần:
 - Bước 1: Nhập tên người nhận.
 - Bước 2: Nhập Email người nhận.
- ☐ Các Email người nhận sau khi cài đặt.



The image shows a 'New' dialog box with the following fields and buttons:







- Name:** An empty text input field.
- Mailbox:** A text input field containing the placeholder text 'Please enter email'.
- Buttons:** 'Ok' and 'Cancel' buttons.

Homepage > Email manager



The 'Email manager' interface includes the following elements:

- Navigation:** 'Recipient' (with a person icon), 'SMTP', 'Sending settings' (with a gear icon).
- Search:** A search bar with a 'Recipient name' placeholder and a 'Search' button.
- Table:** A table with columns: Name, Mailbox, Start, Operating.
- Buttons:** '+ New' button at the top right.

Name	Mailbox	Start	Operating
phong1	phamphong3797@gmail.com	ON	 
duong	hothanhduong.bh@gmail.com	ON	 
phong	thanhphong3797@gmail.com	ON	 

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

11. Thiết lập cảnh báo qua Email

Homepage > Email manager

Recipient SMTP Sending settings

SMTP settings

Sender name	HoThanhDuong
Email	hothanhduong.bh@gmail.com
Password
SMTP server	smtp.gmail.com
Port	465
Encryption	<input type="radio"/> No encryption <input checked="" type="radio"/> SSL <input type="radio"/> TLS

❖ Để cài đặt SMTP cần:

- Bước 1: Đặt tên người gửi vào ô “Sender name”.
- Bước 2: Nhập Email người gửi.
- Bước 3: Nhập mật khẩu Email của người gửi.
- Bước 4: Nhập Port (Ở đây nhập **465**).
- Bước 5: Chọn ô “SSL”.
- Bước 6: Nhấn “Save”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

11. Thiết lập cảnh báo qua Email

Homepage > Email manager

Recipient SMTP Sending settings

Configuration 1

Start Email mode System User-define Add

Sending modes Trigger Intervals Recipient @Hothanhduong; Select

Trigger Select monitoring tags Template

condition

Alarm Name	Fujian Province alarm of Area A
Alarm Level	Serious Alarm
Alarm Content	Fujian Province Area A temperature is too low
Value	20
Event	Trigger Alarm
Alarm Time	2019-03-05 10: 58
Status	reply directly

The max. tags is 10

Save settings

This email is sent automatically by the system. Please do not

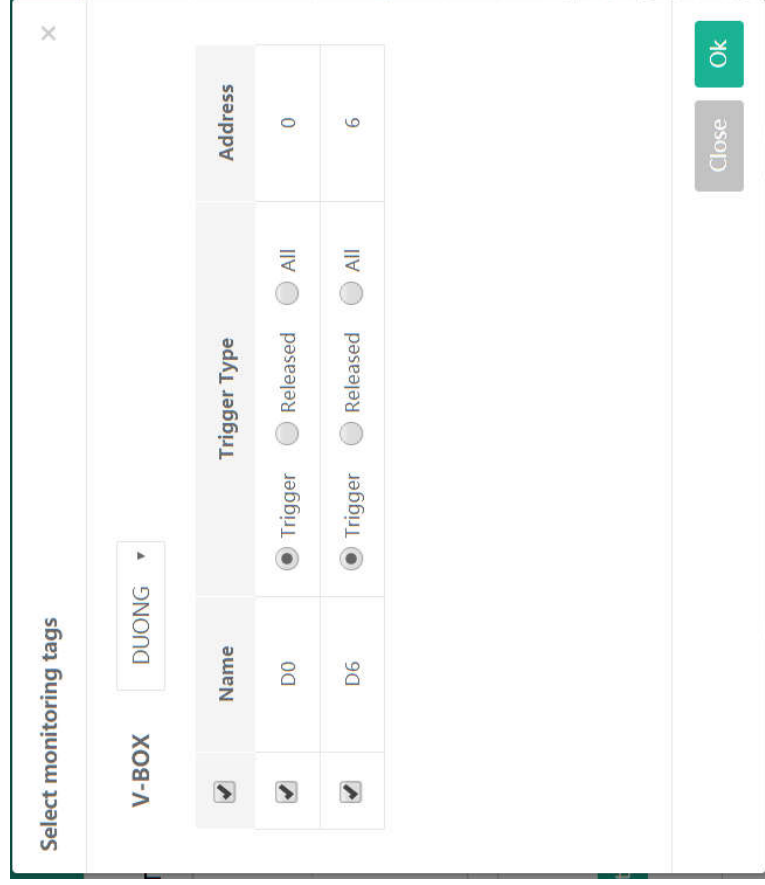
❖ Để cài đặt cho Email gửi cảnh báo cần:

- Bước 1: Chọn dữ liệu cần cảnh báo “Trigger” <1>.
- Bước 2: Chọn chế độ gửi mail <2>.
- Bước 3: Chọn người nhận “Recipient” <3>.
- Bước 4: Nhấn “Save settings”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

11. Thiết lập cảnh báo qua Email

<1> Chọn dữ liệu cần cảnh báo “Trigger”



❖ Để chọn các dữ liệu cần:

- Bước 1: Chọn vào các ô ở bên tay trái để chọn các dữ liệu cảnh báo.
- Bước 2: Chọn các kiểu cảnh báo.
 - Chọn “**Trigger**” cảnh báo sẽ gửi khi dữ liệu cài đặt không thỏa mãn với điều kiện đã thiết đặt trong mục cảnh báo.
 - Chọn “**Released**” cảnh báo sẽ gửi khi dữ liệu cài đặt thỏa mãn với điều kiện đã thiết đặt trong mục cảnh báo.
 - Chọn “**All**” thì cảnh báo sẽ gửi đi dù dữ liệu cài đặt có thỏa mãn hay không thỏa mãn với điều kiện đã thiết đặt trong mục cảnh báo.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

11. Thiết lập cảnh báo qua Email

<2> Chọn chế độ gửi mail.

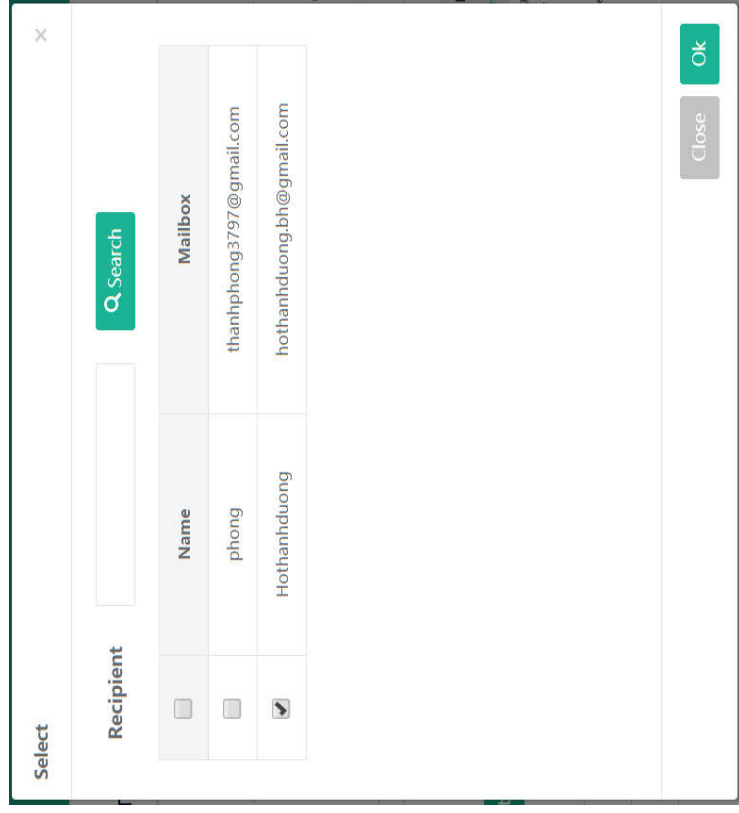
- Chọn “**System**” nếu muốn nội dung Email gửi đi là một biểu mẫu mặc định. Chọn “**User define**” nếu muốn Email gửi đi theo nội dung khách hàng muốn gửi.

Email mode	<input checked="" type="radio"/> System	<input type="radio"/> User-define	Email mode	<input type="radio"/> System	<input checked="" type="radio"/> User-define
Recipient	@Hothanhduong;		Subject	CANH BAO	
Template			Recipient	@Hothanhduong;	
			Content		

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

11. Thiết lập cảnh báo qua Email

<3> Chọn người nhận “Recipient”



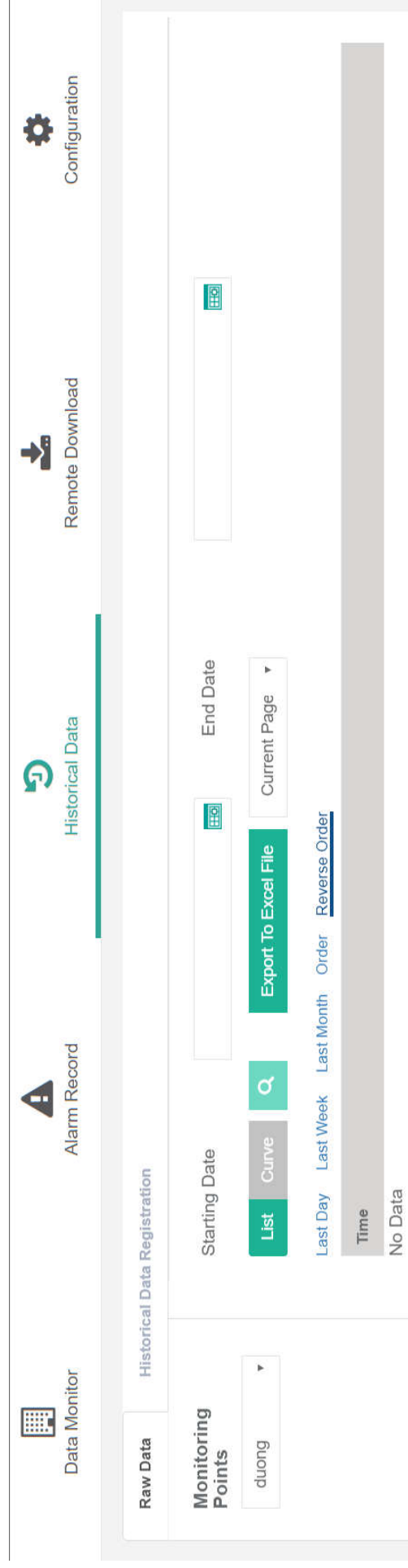
❖ Để chọn người nhận cần:

- Bước 1: Chọn tích vào các ô ở bên tay trái để chọn người nhận đã thêm vào.

- Bước 2: Nhấn “Ok” .

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

12. Thiết lập các dữ liệu lưu trữ “Historical Data”



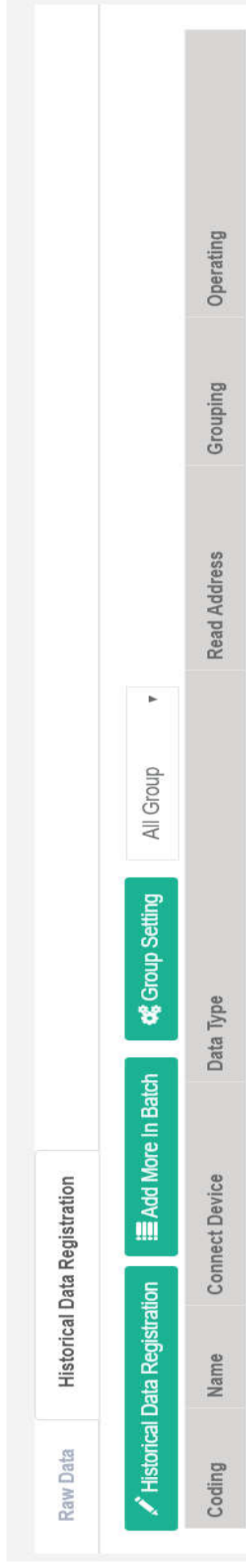
The screenshot displays the V-BOX software interface, specifically the 'Historical Data Registration' screen. The top navigation bar includes 'Data Monitor', 'Alarm Record', 'Historical Data', 'Remote Download', and 'Configuration'. The main content area is titled 'Historical Data Registration' and features a 'Monitoring Points' dropdown menu set to 'duong'. Below this, there are buttons for 'List', 'Curve', and 'Export To Excel File'. The 'Starting Date' field is empty, and the 'End Date' field is set to 'Current Page'. A search icon is also present. At the bottom, there are links for 'Last Day', 'Last Week', 'Last Month', 'Order', and 'Reverse Order'. The 'Time' section shows 'No Data'.

❖ Để thiết lập các dữ liệu lưu trữ cần:

- Bước 1: Chọn thẻ “Historical Data”
- Bước 2: Chọn thẻ “Historical Data Registration”

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

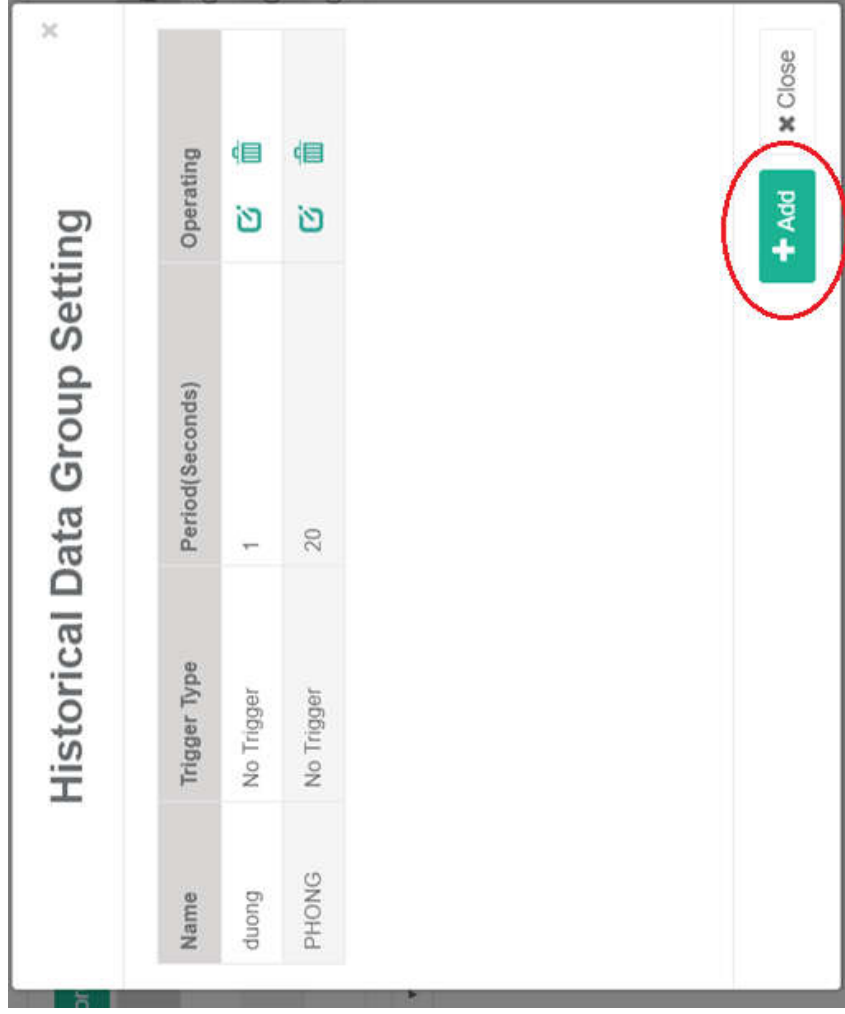
12. Thiết lập các dữ liệu lưu trữ “Historical Data”



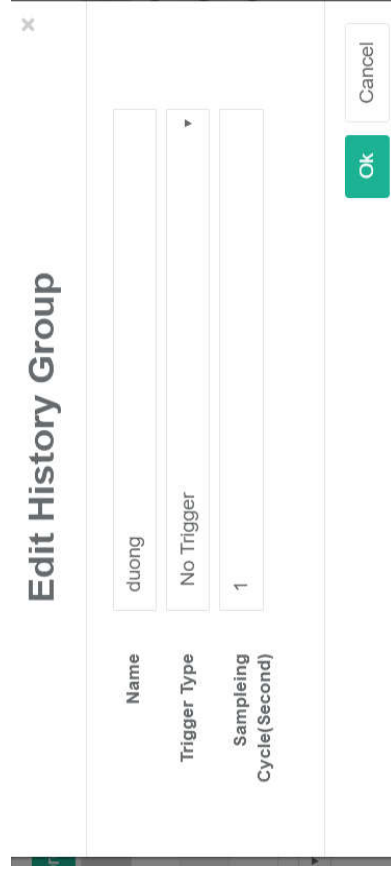
□ Sau khi chọn thẻ “Historical Data Registration”. Tiếp theo chọn “Group Setting”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

12. Thiết lập các dữ liệu lưu trữ “Historical Data”



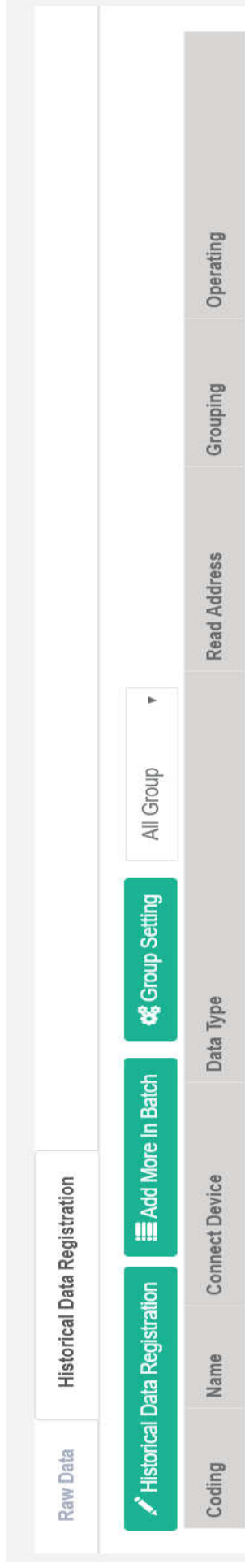
- ❖ Để tạo một nhóm để lưu trữ dữ liệu lưu trữ ta chọn “Add”.



- ❖ Để tạo nhóm cần:
 - Bước 1: Đặt tên cho nhóm
 - Bước 2: Chọn loại lưu trữ ở mục “Trigger Type”
 - Bước 3: Chọn thời gian thu thập dữ liệu “Sampling Cycle(Second)”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

12. Thiết lập các dữ liệu lưu trữ “Historical Data”



- ❑ Sau khi đã tạo các nhóm lưu trữ. Tiếp theo chọn “Historical Data Registration” để tạo các dữ liệu lưu trữ.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

12. Thiết lập các dữ liệu lưu trữ “Historical Data”

The screenshot shows the 'Historical Data Registration' dialog box with the following fields and values:

Field	Value
Name	D0
Grouping	PHONG
Connect Device	1-COM1
Address Type	Word Adr
Register Type	D
Register Address (Main Number)	0
Unit	Main Number: 0 7999 (Decimals)
Data Format	16-Bit Unsigned Decimal Number
Integer Digits	5
Station Number	0
Description	Range: 0~255

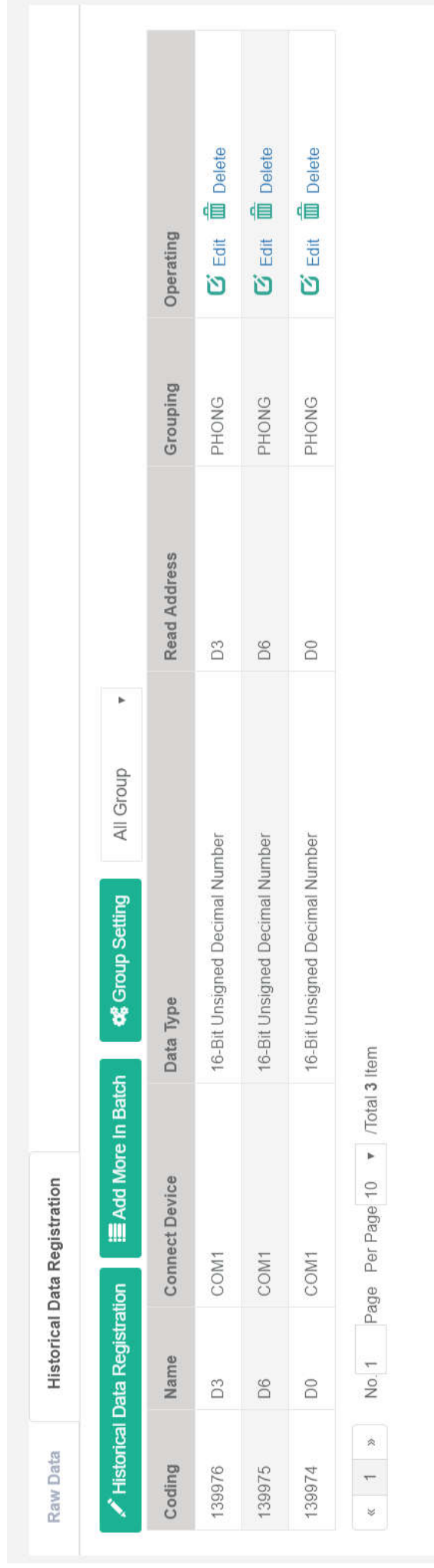
Buttons: Ok, Cancel

❖ Để tạo một dữ liệu lưu trữ cần:

- Bước 1: Đặt tên cho dữ liệu “Name”.
- Bước 2: Chọn nhóm lưu trữ “Grouping”.
- Bước 3: Chọn loại dữ liệu “Address Type”.
- Bước 4: Chọn kiểu dữ liệu “Register Type”.
- Bước 5: Chọn địa chỉ của dữ liệu “Register Address”.
- Bước 6: Nhấn “Ok”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

12. Thiết lập các dữ liệu lưu trữ “Historical Data”



Raw Data Historical Data Registration

Historical Data Registration Add More In Batch Group Setting All Group

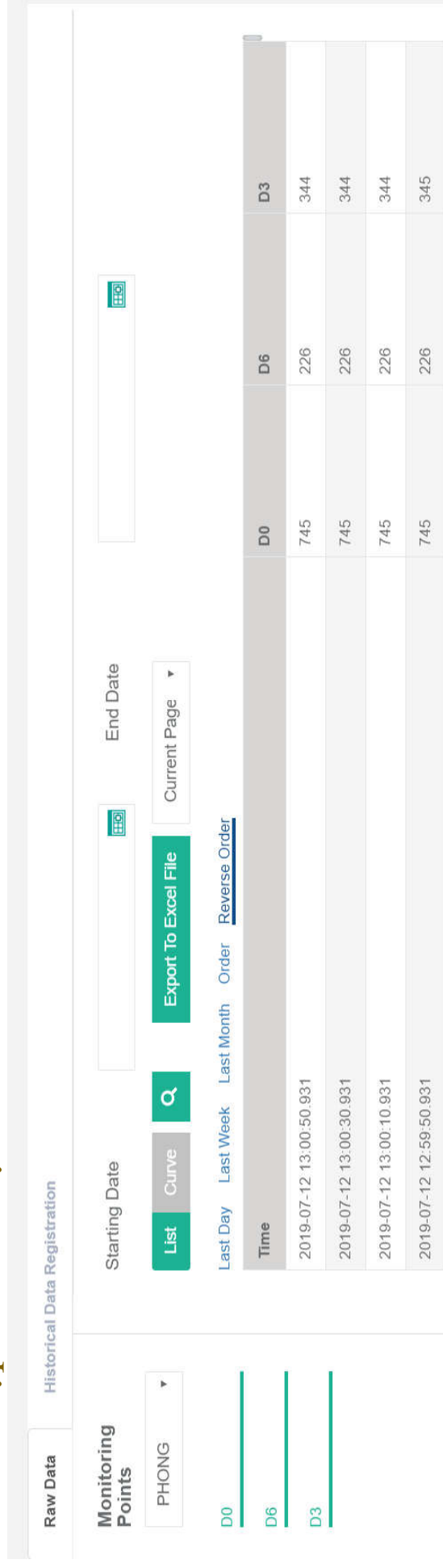
Coding	Name	Connect Device	Data Type	Read Address	Grouping	Operating
139976	D3	COM1	16-Bit Unsigned Decimal Number	D3	PHONG	Edit Delete
139975	D6	COM1	16-Bit Unsigned Decimal Number	D6	PHONG	Edit Delete
139974	D0	COM1	16-Bit Unsigned Decimal Number	D0	PHONG	Edit Delete

« 1 » No. 1 Page Per Page 10 / Total 3 Item

☐ Sau khi cài đặt xong ta được danh sách các biến lưu trữ như hình.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

12. Thiết lập các dữ liệu lưu trữ “Historical Data”



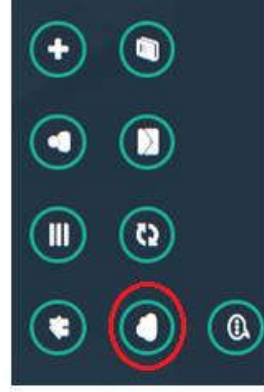
The screenshot displays the 'Historical Data Registration' window. On the left, under 'Monitoring Points', 'PHONG' is selected. The main area shows a table of data with columns for 'Time', 'D0', 'D6', and 'D3'. The data is organized into three rows corresponding to different dates and times.

Time	D0	D6	D3
2019-07-12 13:00:50.931	745	226	344
2019-07-12 13:00:30.931	745	226	344
2019-07-12 13:00:10.931	745	226	344
2019-07-12 12:59:50.931	745	226	345

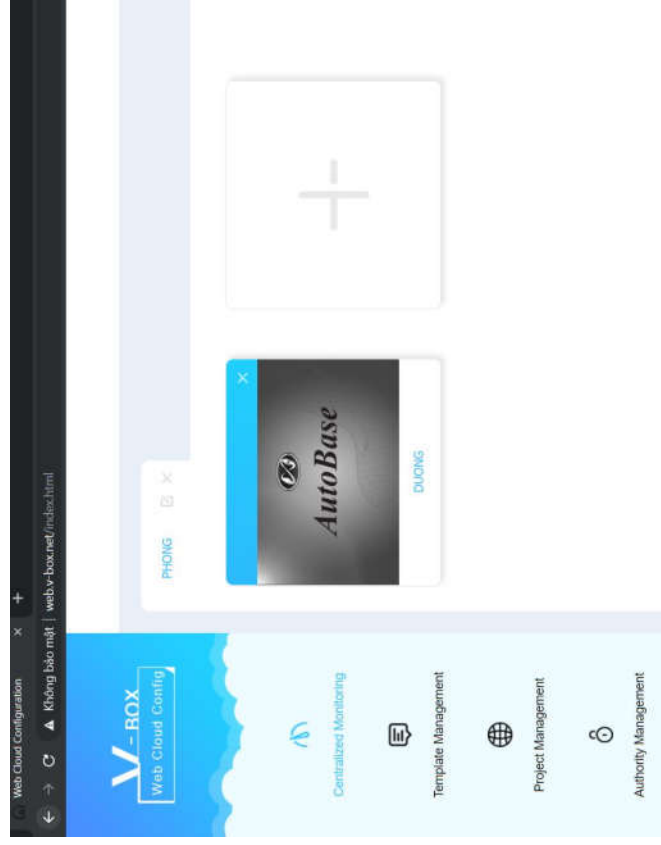
- Khi ta thay đổi các giá trị của các dữ liệu được cài đặt thì danh sách các giá trị được hiển thị như hình.
- Để xuất ra File Excel ta chọn “Export To Excel File”.
- Để vẽ biểu đồ tương quan các dữ liệu đã thu thập ta nhấn “Curve”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

14. Liên kết với “V-BOX Web Cloud Config”



- ☐ Chọn biểu tượng đám mây để liên kết với “V-BOX Web Cloud Config” .

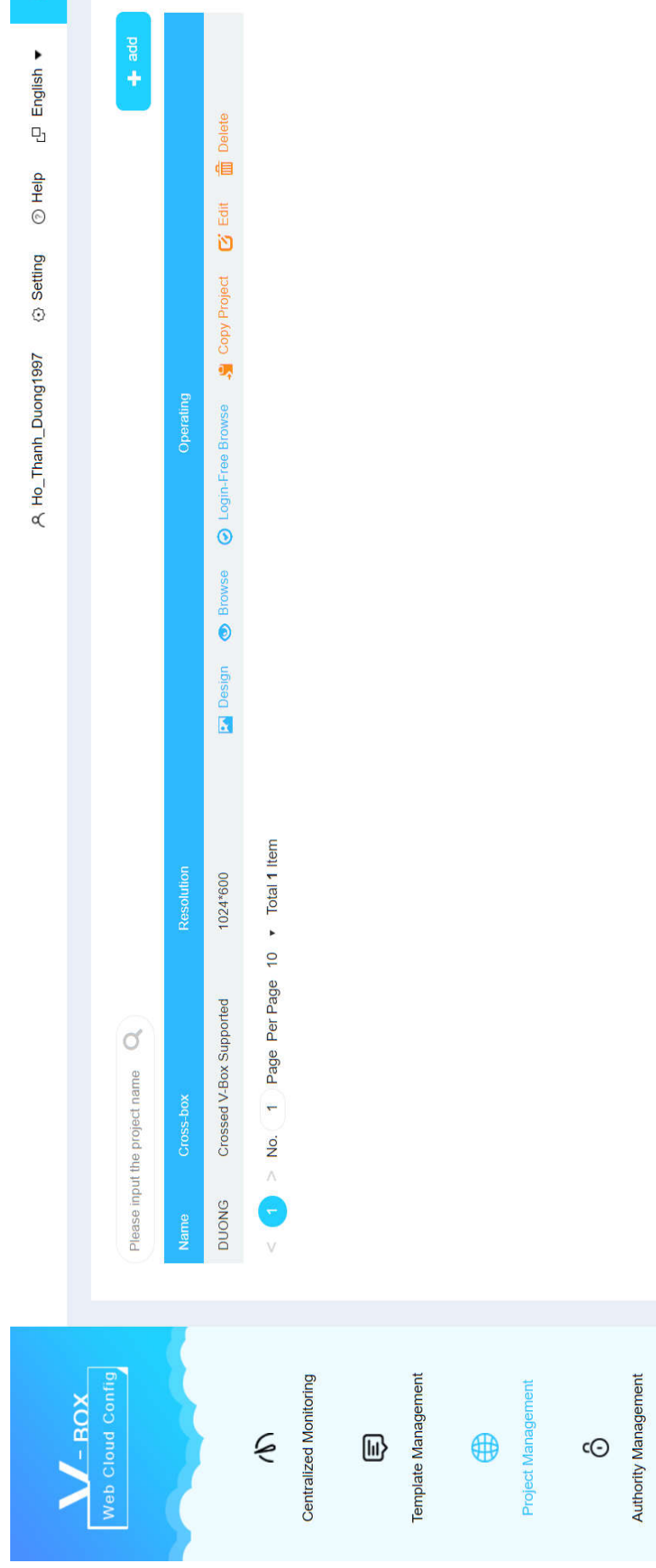


- ❖ Sau khi chọn thì V-BOX sẽ link với một trang web.
- ❖ Để tạo một dự án quản lý mới cần chọn thẻ “Project Management”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

14. Liên kết với “V-BOX Web Cloud Config”

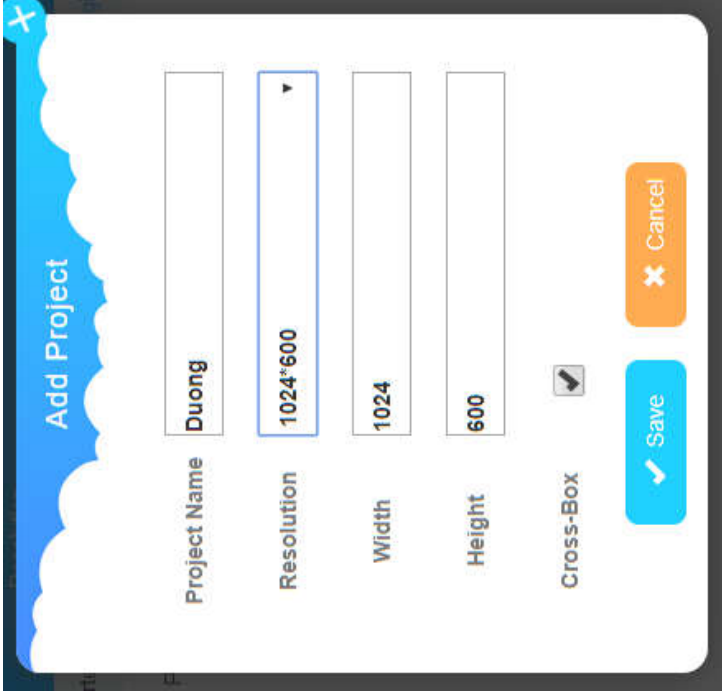
- ☐ Sau khi chọn mục “Project Management”. Chọn thẻ “Add”. Sau khi tạo sẽ được như hình.



The screenshot displays the V-BOX Web Cloud Config interface. At the top, there is a navigation bar with the V-BOX logo and the text "Web Cloud Config". Below this, there are five main menu items: "Centralized Monitoring", "Template Management", "Project Management", and "Authority Management". The "Project Management" item is highlighted in blue. Below the menu, there is a search bar with the placeholder text "Please input the project name". To the right of the search bar, there is a user profile section with the name "Ho_Thanh_Duong1997" and icons for "Setting" and "Help". Below the search bar, there is a table with the following columns: "Name", "Cross-box", "Resolution", and "Operating". The table contains one row with the following data: "DUONG", "Crossed V-Box Supported", "1024*600", and "Operating". To the right of the table, there is a "add" button. Below the table, there is a pagination section with the text "No. 1 Page Per Page 10 Total 1 Item".

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

14. Liên kết với “V-BOX Web Cloud Config”



+

Add Project

Project Name Duong

Resolution 1024*600

Width 1024

Height 600

Cross-Box

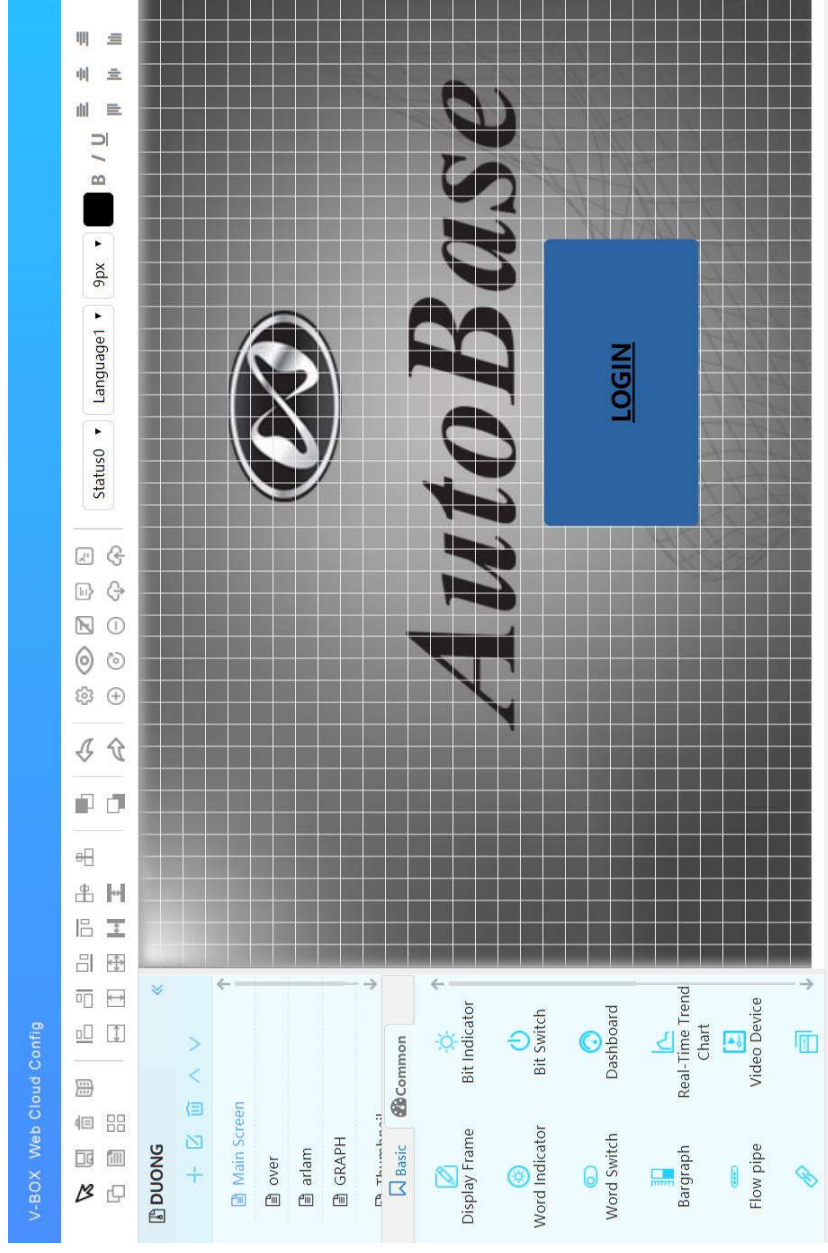
Save Cancel

❖ Để tạo một dự án cần:

- Bước 1: Đặt tên cho dự án “Project Name”.
- Bước 2: Chọn kích thước của màn hình điều khiển “Resolution”.
- Bước 3: Nhấn “Save”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

14. Liên kết với “V-BOX Web Cloud Config”

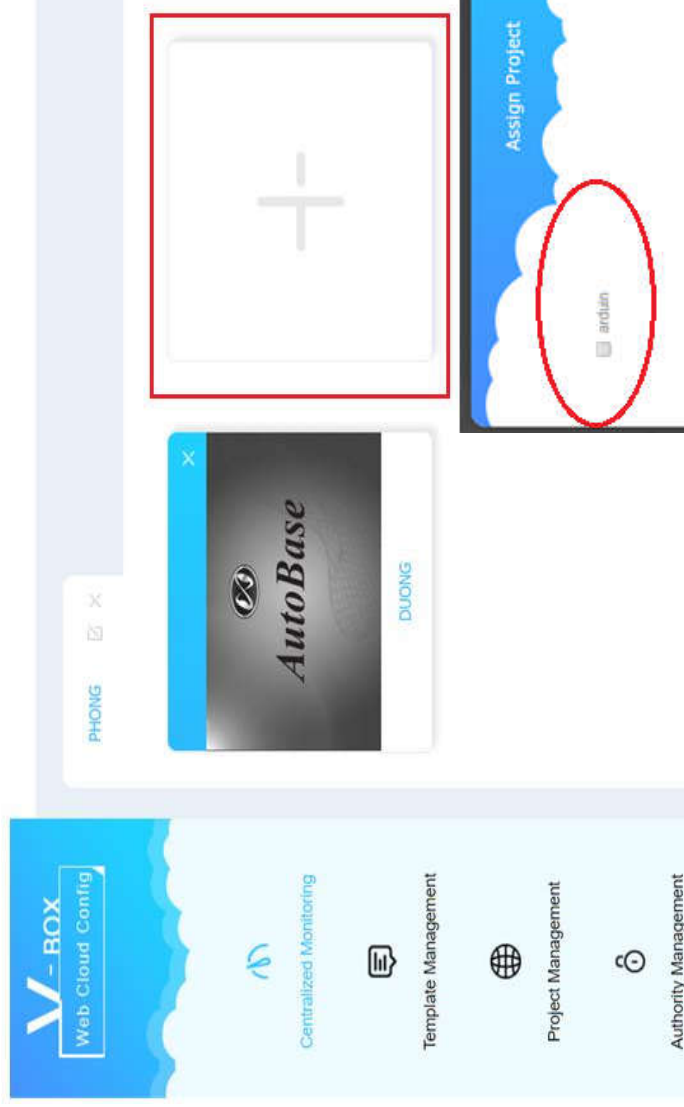


Khởi tạo các biến dữ liệu cho dự án quản lý và điều khiển bằng phương pháp kéo thả các biểu tượng chức năng.

Sau khi hoàn tất dự án quản lý và điều khiển thì nhấn “Save”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

14. Liên kết với “V-BOX Web Cloud Config”



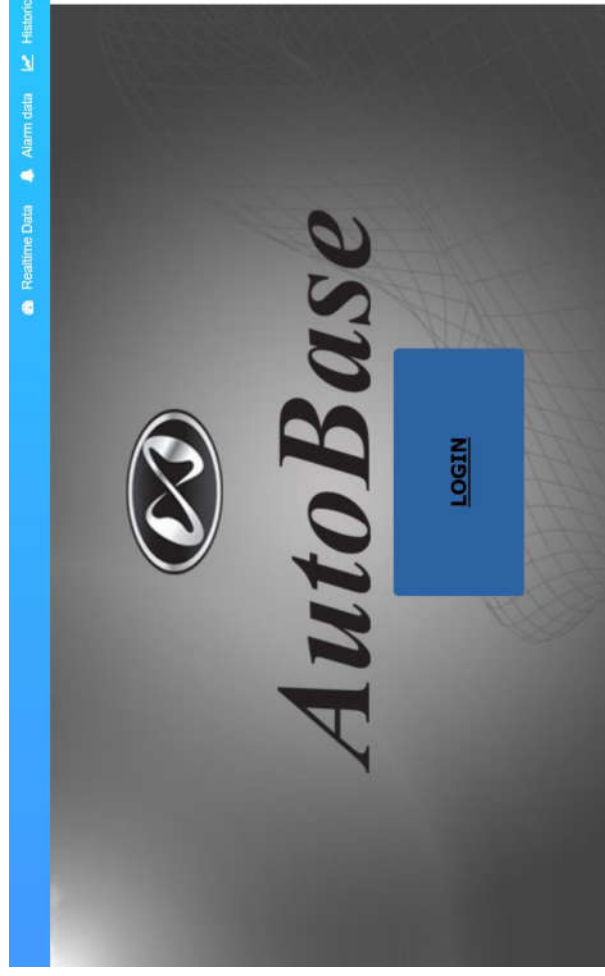
❖ Để mở dự án quản lý và điều khiển đã tạo cần:

- Bước 1: Chọn lại mục “Centralized Monitoring”
- Bước 2: Nhấn vào ô vuông dấu cộng.

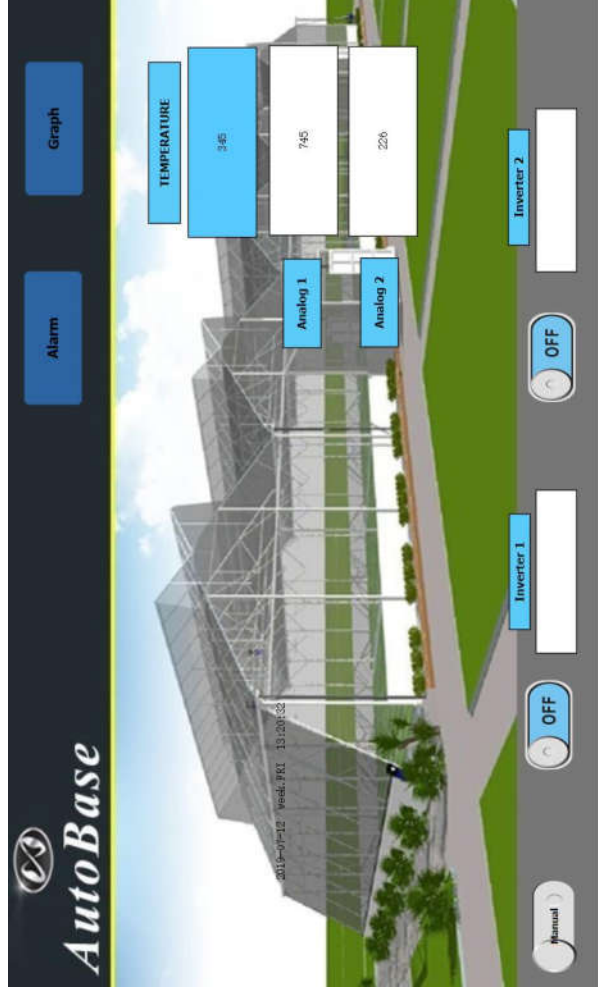
- Cửa sổ chọn dự án sẽ xuất hiện. Nhấn chọn vào ô dự án đã tạo.
- Nhấn “Save”.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

14. Liên kết với “V-BOX Web Cloud Config”

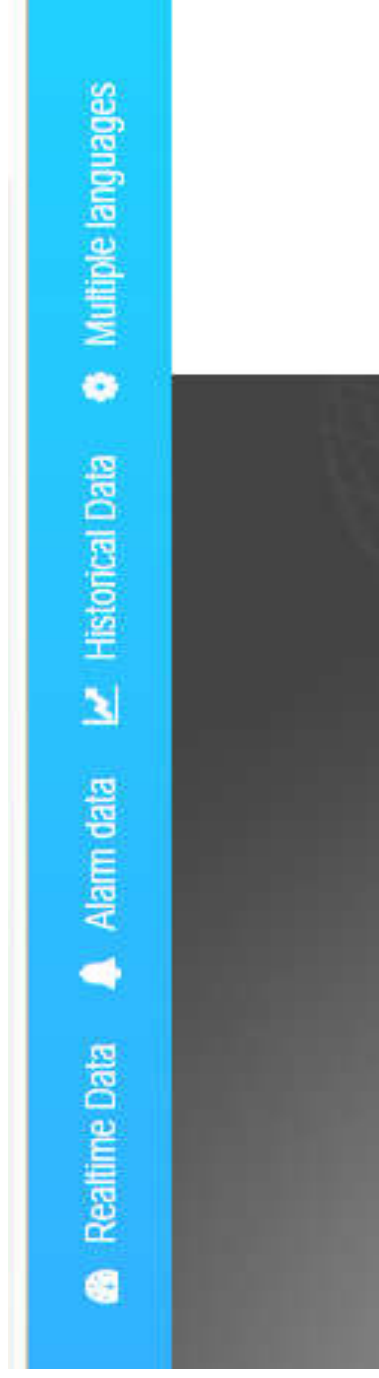


- ❑ Mở dự án lên ta sẽ được một màn hình quản lý và điều khiển các dữ liệu của PLC thông qua đám mây.



Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

14. Liên kết với “V-BOX Web Cloud Config”



- Để quan sát và điều khiển các biến dữ liệu đã cài trên V-BOX trên đám mây cần chọn lần lượt các thẻ bên góc phải màn hình của dự án.

Hướng dẫn sử dụng V-BOX bằng phần mềm V-BOX

14. Liên kết với “V-BOX Web Cloud Config”

Alarm data

V-BOX DUONG Unconfir Start Time End Time

Name	Alarm Level	Alarm Content	Alarm Value	Event
D0	General Alarm		10000	Trigger
D0	General Alarm		12	Released
D6	Particularly Serious Alarm		1200	Trigger
D6	Particularly Serious Alarm			
D6	Particularly Serious Alarm			

< 1 2 > No. 1 Page Per Page 5 Total 10 It

Historical Data

V-BOX DUONG Monitored point PHONG

Starting End List Curve Reverse Order

Last Day Last Week Last Month Order

Time	D0	D6	D3
2019-07-12 13:22:10.031	745	226	346
2019-07-12 13:21:50.931	745	226	345
	745	226	345
	745	226	345
	745	226	345
	745	226	345
	745	226	345

Per Page 10 Total 423 Item

Realtime Data

V-BOX DUONG Grouping Default t

Status	Codeing	Name	Value	Description
●	139915	D0	745	
●	139914	M1	LOVE	
●	139296	D3	345	
●	139295	D22	0	
●	139294	D20	447	

< 1 2 > No. 1 Page Per Page 5 Total 8 Item

XIN CẢM ƠN!

